

KĨ THUẬT QUÂN SỰ ĐẠI VIỆT



Quân đội Đại Việt chưa bao giờ và sẽ không bao giờ là một quân đội trang bị lạc hậu... Trong nhiều thời kì quân Đại Việt còn vượt trội các nước trong khu vực

Qua bài tổng hợp này, tôi dự định đập tan mọi suy nghĩ về một đội quân nông dân trang bị lạc hậu, tay cung tay kiếm, yêu hòa bình, ghét chiến tranh.

Đại Việt hùng cường!

zDragon.Flyz

MỤC LỤC

A. Quân đội Đại Việt và các cuộc chiến:	4
1. Âu Lạc:	4
2. Tiền Lê:	4
3. Lý – Trần – Hồ:	4
4. Lê Sơ:	5
5. Trịnh - Nguyễn phân tranh:	5
6. Tây Sơn:	6
7. Nhà Nguyễn:	7
B. Sơ lược về tổ chức, phiên chế quân đội	7
1. Nhà Lý	7
2. Nhà Trần	7
3. Nhà Lê Sơ	8
4. Nhà Nguyễn	8
C. Quân phục, giáp trụ:	8
1. Giáp trụ	8
2. Giày dép	23
3. Khiên	23
4. Nón	27
D. Vũ khí:	31
I. Bộ binh	31
1. Cận chiến	31
2. Vũ khí tầm xa	38
3. Hỏa khí (súng, pháo)	42
II. Kị binh, tượng binh	52
1. Kị binh	52
2. Tượng binh	52
III. Thủy binh	53
1. Một số dẫn chứng lịch sử về thủy quân Đại Việt	53
2. Lịch sử của Thủy quân Đại Việt	56
3. Một số loại thuyền chiến	59
E. Binh pháp:	60
I. Trận pháp:	60
II. Cơ yếu binh pháp	78
1. Thiên Hỏa Công	78
2. Thiên Thủy Chiến	81
3. Thiên Bộ Chiến	86
4. Thiên Giữ Trại	93
III. Quân cơ	98

Cảnh báo: Các cụ lớn tuổi không nên đọc bài này nhé, cháu sợ ngôn ngữ không phù hợp. Các cao thủ cũng không cần đọc vì chả có gì mới đâu.

Lời nói đầu

Trước tiên, phải khẳng định rằng, những suy nghĩ kiểu như “Dân tộc VN là 1 dân tộc yêu hòa bình, chán ghét chiến tranh”, “trang bị nghèo nàn, lạc hậu, tay cung tay kiếm”, “vũ khí duy nhất là tinh thần chiến đấu” ... blah blah ... là sai bét. Đề nghị các cụ làm sách sử thôi ca cái bài ca “tinh thần nhân văn trong chiến tranh của người Việt” đi =)) (Cái cụ Minh Thái gì ở ĐHKHXH-NV hôm nọ vừa kêu “bắn giết làm xấu đi hình ảnh bộ đội cụ Hồ”, cụ siêu thật đấy, chắc bộ đội cụ Hồ không cần bắn quân Pháp cũng tự chết). Đại Việt trong lịch sử là 1 quốc gia có nền kĩ thuật quân sự rất mạnh, nhiều triều đại còn vượt trội cả Tàu (nhất là Tây Sơn, thằng “Kiền” Long sợ Quang Trung rúm cả vòi :-P), đánh chiếm xâm lược tùm lum (đánh sang cả Thái và Miên rồi đấy). Bọn Tàu hay thích xâm lược Đại Việt không phải vì Đại Việt yếu, mà là vì chúng nó mù thông tin và lười học sử ^^ (chúng nó đã tham ăn còn tưởng Đại Việt dễ ăn). Có vài thằng idiot hay kêu Việt thắng vì thằng Tàu “nhường” thôi, chưa đem đầy đủ quân xịn đến, rồi ở xa thủy thổ không quen -> dính dịch bệnh, không thì Việt toi lâu rồi =)) Khổ quá, đâu có đơn giản thế. Nhìn lại những thằng tướng Tàu đến Việt chơi nhé: Đồ Thư, Mã Viện, Quách Quỳ, Ngột Lương Hợp Thai, Toa Đô, Ô Mã Nhi, Mộc Thạnh, Tôn Sĩ Nghị ... toàn danh tướng thế kia không biết các đồng chí ý còn đòi gì nữa, chắc đòi Khổng Minh đích thân cầm quân =)) Còn vụ dịch bệnh, cái đấy chứng tỏ VN biết sử dụng “vũ khí sinh học” đầu tiên trong thế giới =)) =)) Đùa thôi, thực ra sách sử Tàu ghi “dịch bệnh” vào để bào chữa cho thất bại của mình, còn sách sử VN thì ghi thêm “dịch bệnh” vào để tôn thêm hình ảnh nước Đại Việt “yêu hòa bình” nên được “trời giúp” =))

Với chút kiến thức lịch sử còn ít ỏi, tôi định tập hợp lại về nền kĩ thuật quân sự Đại Việt. Rất mong nhận được các phản hồi và bổ sung của các bạn.

zDragonFlyz

P/S: Đây chỉ là 1 bài tổng hợp để tham khảo (cho dân nghịch sử đọc chơi), đừng coi nó như 1 cuốn sách. Không nên trích dẫn nguồn từ bài này như tài liệu, nếu cần trích dẫn thông tin thì hãy ghi nguồn là những nguồn xa hơn mà tôi đã ghi dưới mỗi phần. VD: nguồn: Binh thư yếu lược

A. Quân đội Đại Việt và các cuộc chiến:

Nhiều người cứ hay bảo sử VN chán hơn sử TQ -> đọc sử TQ. Môn sử phổ thông từ lớp 1 -> lớp 12 toàn dạy người ta “VN là 1 dân tộc yêu hòa bình, chỉ đánh giặc tự vệ”, “vũ khí thô sơ”, bao nhiêu cuộc chiến tung bừa khỏi lửa (đi xâm lược), các cụ ý giấu nhẹm đi cả, làm gì chả chán. “Yêu hòa bình” rồi thì đọc sử làm cái gì nữa =)) Nếu đã chịu khó đầu tư tìm hiểu sâu thì thấy sử VN hay ra phết. (tạm thời không nói đến Bách Việt vì cái thời đại hoàng kim này còn nhiều tranh cãi)

P/S: cảm ơn bác nhinho bên gamevn.com :D

1. Âu Lạc:

Tần Thủy Hoàng sai Đồ Thư mang 50 vạn quân xuống bình Việt, khổ nổi 50 vạn này không đo được với chiến thuật du kích của vài vạn dân Bách Việt, nhất là dân Tây Âu dưới quyền Thục Phán, và thế là anh Đồ Thư một thời ngang dọc đất Tàu đang khốn đốn chưa biết làm gì thì đã bị người Việt úp trại giết chết.

2. Tiền Lê:

Cắt Cao-Bắc-Lạng khỏi TQ (nếu đứng theo góc nhìn Lạc Việt), 3 lần đánh bại người Nùng và chiếm 2/3 đất đai của xứ này.

3. Lý – Trần – Hồ:

Bắc phạt Tống, Nam bình Chiêm. 3 lần đánh gục tổng cộng 83 vạn quân Mongol (trên thế giới có mấy thằng đánh nổi số Nguyên Mông to thế này nhỉ), mấy lần đánh Champa, đốt trụi kinh đô Champa (nhưng cũng tại nó đánh trước). Thời kì này bắt đầu xuất hiện súng ống các loại (Hỏa Thương, Hỏa Hồ, Thần Cơ ...), nổi tiếng nhất là vụ Trần Khát Chân cho phục quân dùng súng (súng loại gì thì không sách nào ghi) bắn chết Chế Bồng Nga (vua huyền thoại của Champa). Thời kì nhà Hồ là thời kì quân đội Đại Việt được hiện đại hóa cực kì hoành tráng, binh lính ai ai cũng súng ống tận răng. Chiến tranh Minh – Hồ lần 2 (1407), nhà Minh lần này rút kinh nghiệm hô hào “phù Trần diệt Hồ” và mang đông quân nhiều kị, súng hơn (gần 30.000 khẩu) đánh bại nhà Hồ không biết sử dụng chiến tranh nhân dân (dân không phục, quân tướng thì toàn phản bội). Chiến tranh Minh – Hồ là 2 bên dàn quân đầu súng đứng nghĩa luôn. Sau chiến thắng trước nhà Hồ, nhà Minh thừa nhận là đã học hỏi được kĩ thuật thần thương lợi hại của Đại Việt. (Sun Laichen. tr 91)

Hồ Nguyên Trừng vốn là người đầu tiên chế ra súng thần cơ ở VN. Sau khi bị nhà Minh bắt sang TQ ông còn chế và cải tiến cho họ nhiều loại súng nữa, và Hồ Nguyên Trừng được coi là "ông tổ nghề đúc súng của TQ" (vì ông cải tiến rất nhiều nền hỏa khí TQ). Mỗi lần đúc xong 1 mẻ súng nhà Minh đều phải làm lễ tế Trừng. Hai cải tiến quan trọng nhất của ông là ổ cóc mồi (súng bắn được bất kể trời mưa) và pháo dã chiến (di chuyển được thay vì đặt "chết" trên thành).

4. Lê Sơ:

2 lần san bằng Champa. Chia Champa ra làm nhiều nước để làm yếu nó đi. Câu nói nổi tiếng: "như tắm ăn rồi" (lần là phải lần từ từ). Sau đó tiêu diệt gần như hoàn toàn Champa năm 1471.

Xem thêm <http://tinyurl.com/chientranhViet-Cham> (Wikipedia)

Ngoài ra còn oánh tới Miến Điện bắt hầu hết DNA làm chư hầu, công nộp thường xuyên. Thời kì này vẫn có súng ống nhưng không còn chiếm lợi thế tuyệt đối như trước (ông Tàu ông ý học được hết kĩ thuật đúc súng bên mình rồi).

5. Trịnh - Nguyễn phân tranh:

2 ông Trịnh – Nguyễn cho tàu sang Ma-caoa mua súng Bò đông như trảy hội =)) Xong rồi mang về bắn lẫn nhau =))

Chúa Nguyễn đánh nuốt gọn Champa (mấy triều trước đã phá đá mở lối cho rồi, giờ chỉ còn ăn thôi :D). Mấy lần đánh cháy đánh chìm chiến hạm phương Tây, làm bọn Tây nó nghe tiếng phải vỡ mật, bọn Tàu phải khiếp sợ (vì chính TQ lại đang bị bắt nạt). Hạ nhục Công ty Đông Ấn Hà Lan (VOC) - những kẻ đã đánh bại BDN và chinh phục Indo, Mã Lai (hải quân Indo nổi tiếng thế mà cũng bị xị cho tan tành). Tính ra số quân (người Hà Lan) và thuyền mà VOC mất ở "Cochinchina" có khi còn lớn hơn số quân mà họ dùng để chinh phục Mã Lai, Indo!

Thông tin chi tiết về Đàng Trong vs VOC. Nói chung là khởi đầu bằng việc quân Nam...cướp hàng, bắt người của VOC, thậm chí còn bán người làm nô lệ! (gấu thật). Kết quả:

“Sau cuộc xung đột với Đàng Trong, uy tín của Công ty Đông Ấn Hà Lan tại Viễn Đông có phần suy giảm. Sau khi nghe người Trung Hoa và dân địa phương buôn bán ở Nhật kể lại cuộc chiến, người Nhật bắt

đầu cảm thấy coi thường Công ty Đông Ấn Hà Lan và uy tín của Hà Lan ở đây bị mất mát lớn.”

Nguyên nhân sâu xa đầu tiên là thế này: Khi chúa Thượng (Nguyễn Phúc Lan) hỏi một người Hà Lan đang giúp việc về hải quân Hà Lan thì người này trả lời: "Tàu Hà Lan chỉ sợ mãnh lực và quân đội nhà trời thôi". Điều này khiến ông **cảm thấy bị xúc phạm** nên Nguyễn Phúc Lan và Thế tử Nguyễn Phúc Tần tự mình thân hành đến Eo, ra lệnh cho thủy quân chèo thuyền ra đánh thẳng vào 3 chiếc tàu của Hà Lan. Kết quả của việc **cảm thấy bị xúc phạm**:

Trận Eo 1643 (còn gọi là Bờm Lò Xo). Cái này là phải xem nhà <http://tinyurl.com/traneo1643> (trận Eo 1643 – Wikipedia)
<http://tinyurl.com/xungdotVOC-VN> (xung đột VOC - Đàng Trong – Wikipedia)

Soái hạm Hà Lan chìm tại trận, đô đốc hạm đội cũng xuống biển chơi với cá. 2 con còn lại rút chạy, 1 con hoảng quá lao thẳng vào cồn ==)) ==)) (Hà Lan mất thị trường, chịu nhục vì 1 lí do hết sức ... lãng nhách ==)), tức là làm cho người khác cảm thấy bị xúc phạm :-P)

Chú ý: Đối với Phương Tây thời kì này việc không đánh thắng tàu bản địa đã là sự sỉ nhục chứ chưa cần bị đánh đắm cả chiến hạm (nhất là soái hạm). Mà ở đây không phải 1 lần thua mà tới mấy lần nữa (lớ ngớ đi nhầm hải phận)

6. Tây Sơn:

Quang Trung đi trước thời đại với chiến thuật tập trung hỏa lực thành cụm. Ai đọc về thời Napoleon thấy quân lính xếp hàng thành đơn vị, đi đều rồi bắn ấy 1 loạt đạn, rồi nạp đạn thông nòng, rồi lại bắn ấy, quân Tây Sơn cũng gần gần thế. Vừa tăng sát thương vừa gây hoang mang cho địch.

Nổi tiếng nhất là vụ hơn 200 voi chiến gần đại bác (dân nghịch sử gọi vui là ... pháo tự hành :D) cùng 100.000 quân trong chưa đầy 1 tuần đánh bại 29 vạn quân Thanh, phá 7 đồn kết quả:

“Sĩ Nghị cùng Nguyên Nhiếp đi lạc lối, quanh co nhiều chỗ, bị đói khát 7 ngày đêm mới tới ải Nam Quan” (theo Trần Nguyên Nhiếp - bí thư dưới quyền Tôn Sĩ Nghị)

“Số quân Thanh kịp theo Nghị qua bên kia biên giới chỉ có khoảng 50 người” (theo giáo sĩ De la Bissachere ở Việt Nam khi đó)

“dân Trung Quốc ở biên giới dốt nhau chạy làm cho suốt vài chục dặm không có người.” (Hoàng Lê Nhất thống chí)

Trận Rạch Gầm – Xoài Mút, Tây Sơn diệt gọn 3 vạn quân Xiêm, không thêm bắt tù binh luôn (điều nhà Nguyễn làm không nổi).

Triều nhà Thanh huy hoàng của TQ với anh vua “lỗi lạc” “Kiền Long” (lão Càn), bá chủ cõi phương Đông thế mà còn phải sợ Quang Trung. Quang Trung còn định sau khi ổn định tình hình đất nước sẽ mang quân sang hỏi thăm nhà Thanh, vẽ lại bản đồ Hoa – Việt, nhưng ông mất sớm quá.

7. Nhà Nguyễn:

Thời kì này là bệ rạc nhất lịch sử phong kiến, nhưng quân được update vũ khí tận răng, thời nhà Nguyễn đi lính là sướng nhứt =>) (Nhưng tinh thần chiến đấu thì lùn nhất trong các triều đại). Thời Minh Mạng quân update trang bị (10 lính thì có 4 súng và 1 pháo), oánh nhau ỏm cả tởi với thằng Thái tranh đất Lào, Campuchia. Chiến tranh tổng lực giữa Đại Nam Empire và Siam Empire diễn ra trong 20-30 năm. Quân Đại Nam đóng 70 pháo đài, xây thành Nam Vang càn đi quét lại xối tung đất Campuchia (hỏi xem tại sao dân Cam nó ghét dân VN). Kết quả 2 thắng kí hiệp định đình chiến rồi cấp súng về cả thể. (theo *Annam-Siam War: War Between the Thai, Laotian, Khmer and Vietnamese*- Phrae Phitthaya)

Tuy nhiên vì cuộc chiến tổng lực khủng khiếp làm cả 2 triều đại ở Siam và Đại Nam thoái trào (nhà Nguyễn kinh tế đã yếu rồi, sau cái trận đánh Cam chả còn cái cóc khô gì), các vua nhà Nguyễn hình như ko biết làm kinh tế). Sau thời Minh Mạng, Đại Nam tụt dốc không phanh. Khi Pháp vào VN, 10 lính chỉ còn 1 súng, vài trăm lính mới có 1 pháo, súng thì 1 năm bắn 1 lần, 1 lần bắn 6 phát. Quân nhà Nguyễn mà có quay ngược lịch sử đi đánh với quân Tống thì cũng chắc chắn thua, chứ đừng nói đến Thanh hay Pháp.

B. Sơ lược về tổ chức, phiên chế quân đội

1. Nhà Lý

- a. Cấm quân: Đóng ở kinh thành, tuyển chọn từ những thanh niên trai tráng khỏe mạnh trong nước. Nhiệm vụ: Bảo vệ vua và kinh thành.
- b. Quân địa phương: Tuyển chọn trong số thanh niên trai tráng ở các làng xã đến tuổi thành đinh (18 tuổi), có nhiệm vụ canh phòng các lộ, phủ.
- c. Dân binh: Lực lượng vũ trang được điều động khi đất nước có chiến tranh lớn.

2. Nhà Trần

- a. Cấm quân (Quân túc vệ): Gồm Thiên Thuộc, Thiên Cương, Chương Thánh, Cung Thần, Thánh Dực, Thần Sách. Cấm quân là lực lượng nòng cốt trong chiến tranh và bảo vệ kinh thành.
- b. Lộ quân: Nhiệm vụ là phòng giữ ở các lộ.

c. Quân Vương hầu: Quân riêng của các vương hầu quý tộc, thường là các gia đình. Thường được trang bị và huấn luyện khá tốt, cực kì trung thành, đóng vai trò quan trọng trong cuộc chiến chống Mông – Nguyên. Quân của Trần Quốc Toản chính là quân vương hầu đây.

3. Nhà Lê Sơ

a. Cấm binh: Bảo vệ kinh thành. Gồm 2 vệ Kim ngô và Cẩm y, 4 vệ Hiệu lực, 4 vệ Thần vũ, 6 vệ Điện tiền, 4 vệ Thuần tượng, 4 vệ Mã bệ.

b. Ngoại binh:

Đặt quân Ngũ phủ, mỗi phủ gồm 6 vệ, mỗi vệ có 5-6 sở.

- Trung quân phủ: lãnh các xứ Thanh Hóa, Nghệ An
- Đông quân phủ: lãnh các xứ Hải Dương, Yên Bang
- Nam quân phủ: lãnh các xứ Sơn Nam, Thuận Hóa, Quảng Nam
- Tây quân phủ: lãnh các xứ Tam Giang, Hưng Hóa
- Bắc quân phủ: lãnh các xứ Kinh Bắc, Lạng Sơn.
- Riêng Thái Nguyên và Tuyên Quang thì thuộc vào quân Phụng Trục

4. Nhà Nguyễn

a. Thân binh: gồm các vệ Cẩm Y, vệ Kim Ngô, vệ Tuyền Phong và doanh Vũ Lâm. Nhiệm vụ: Bảo vệ vua.

b. Cấm binh: gồm các doanh Thần Cơ, doanh Thần Phong, doanh Long Vũ, doanh Hồ Uy, doanh Hùng Nhuệ, vệ Kỳ Vũ, vệ Kinh Tượng (tượng binh), vệ Thượng Tứ (kỵ binh), vệ Long Thuyền (chuyên chở thuyền vua), viện Vũ Bị (lính dùng súng), đội Tư Pháo (chế thuốc súng), đội Phụng Thiện. Nhiệm vụ: bảo vệ kinh thành.

c. Tinh binh: gồm có ba doanh của Kinh kỳ thủy sư, vệ Giám Thành, vệ Thủ Hộ, vệ Dực. Nhiệm vụ: Trấn giữ khu vực ngoài kinh thành.

C. Quân phục, giáp trụ:

(bản quyền của bác yevon – lichsuvn.info)

Giáp trụ

1. Hộ tâm phiến:

1 miếng hình vuông (có thể bằng kim loại hoặc gỗ. Trần Phú đời Nguyên đi sứ ghi nhận là Trần Quang Khải mặc hộ tâm gỗ hình vuông, thép vàng 4 cạnh) được buộc vào trước ngực, có thể dùng 1 lúc 1 mảnh trước

ngực, 1 mảnh sau lưng, buộc lại với nhau bằng dây. Hộ tâm VN ta thường thấy là làm ở thời Hùng Vương, kích thước thường nhỏ chỉ bằng...2/3 cái trong hình dưới. Tôi cũng không rõ về sau kích cỡ hộ tâm VN có tăng lên không. Nhắc luôn, đây là loại giáp thuộc loại cổ đại nhất, vì muốn bảo vệ tốt thì mảnh giáp phải to, mà càng to thì mặc nó rất khó cử động:



Trên thế giới thì hộ tâm có đủ cỡ từ nhỏ như hộ tâm thời Hùng Vương đến lớn như trong bức hình phim VN kia

2. Giáp giấy:

Nhiều lớp giấy bồi dán lên nhau, tạo thành 1 cái áo dài, không tay, xẻ ngực. Cái này rất rẻ, dễ chế tạo và chống chém lẩn đâm khá tốt. Nguyễn Tuân từng nhắc đến nó:

<http://tinyurl.com/consutu1namquvsuu>

Một cái hồi loạn Văn Thân, bọn ta đã bị cái nạn ấy rồi. Bao nhiêu sách giấy bản là đem ra làm áo giáp hết... Bác không tin lời tôi nói thì hôm nào thử lấy một mũi mác đâm xem có thể thấu qua được một cuốn Tính Lý này không. Hết làm áo giáp trấn thủ đỡ mũi nhọn đánh nhau lại đến làm cốt bồi đầu sư tử múa chơi, cái công tiền nhân đeo một cái bờ "Kính tích tự chỉ" sau lưng những lúc lượm giấy rơi ngoài đường, nghĩ mà lại tiếc quá bác ạ.



Chú ý những anh lính Việt trong cả 2 bức tranh Đông Hồ. Trước kia tui cũng tưởng họ đang mặc cái áo lính standard (vừa đề cập ở bài trên) nhưng sau khi biết về giáp giấy, nhìn kỹ lại, các ông để ý là tay áo anh nào cũng không hề tô cùng màu với cái áo anh ta mặc cả. Điều đó chứng tỏ các anh ấy thực ra đang trông thêm lên người 1 cái áo khoác dài không tay, buộc hông lại bằng 1 sợi vải. Cái áo khoác không tay này, khả năng rất cao chính là giáp giấy.

3. Giáp vải:

Tương tự giáp giấy thô, 1 loại giáp rẻ, chống chém và đâm khá tốt. Khác biệt là giáp này gồm nhiều lớp vải may chồng độn lên nhau. Đại khái nó cực kỳ giống cái áo trấn thủ các bác Việt Minh mặc hồi đánh Pháp:

Dưới đây là áo Trấn thủ:



Chú ý cái kiểu may hình chữ nhật chéo. Có thể đây là 1 đặc trưng kiểu giáp này do ta chế tạo. Mới đầu tôi cũng cảm thấy kiểu may chéo này may bị ảnh hưởng từ Tây hay Tàu, nhưng đến giáp của Champa mà cũng may chéo thế thì rất có thể cái này mang đặc trưng của ta.

****Ở trên đã trình bày xong những loại giáp rẻ tiền của ta. Giờ đến giáp thứ thiệt, cũng là thứ cho đến giờ ta hoàn toàn mù tịt. Tất cả thông tin còn lại chỉ là mấy bức tượng và tranh vẽ muốn mang tính ước lệ và ảnh hưởng nặng nghệ thuật tạo hình của TQ.*

Đầu tiên nói về chất liệu

- Tháng 3/ 1214 (Đại Việt Sử Lược):
*Đoàn Nhuyễn vốn là người mạnh mẽ mà hung hăng nên khi thắng được lại càng sinh kêu ngạo. Rồi thì đốt phá nhà cửa, giết hại sinh vật, bắt cướp gà, gần hết. Sau đó lại **cởi áo giáp** lên chùa trên núi đánh chuông làm vui. Lúc bấy giờ những linh thú ở nơi chùa đều đánh chuông. Nguyễn Nộn nghe tiếng chuông đem binh đón đánh, giết chết bọn Đoàn Nhuyễn. Nguyễn Nộn thừa thắng đuổi theo đến Pháp Kiều (cầu Pháp) thì **bị người Hồng là Đoàn Nghi núp ở dưới cầu cầm cái móc đâm thủng cái áo giáp sắt, Nguyễn Nộn bị thương ở lưng dẫn binh rút lui.***

== > giáp sắt bọc kín cả đến sau lưng.

- 1401 (Đại Việt Sử Ký Toàn Thư)
Hồ Tùng đi đánh Chiêm Thành, nghe lời Đình Đại Trung, cho quân bộ đi đường núi, tách xa hẳn quân thủy, gặp khi nước lũ, tướng sĩ ở giữa đường hết lương đến 3 ngày, phải **nướng cả áo giáp bằng da để ăn.**

== > có giáp da.

Nhấn mạnh luôn 1 ý rất cần chú ý: **đặc trưng của giáp ta thời Lý là dính đầy tua vải hoặc nhạc rủ xuống dọc khắp các viền giáp (theo "Hỏi đáp về trang phục truyền thống VN" của Phạm Anh Trang). Tôi nghĩ đây là 1 điểm rất đặc biệt, nên thêm vào dù cho cậu chọn bất cứ loại giáp nào trong những phong tượng, hình ảnh dưới đây (trừ cái hộ tâm phiến nhá):**

Giáp kỵ binh thời Nguyễn (90% là giả giáp, nhưng là giáp duy nhất còn có hình ảnh đầy đủ, chính xác -> cho đứng đầu tiên): cấu trúc của bộ này tóm gọn lại là có 2 mảnh giáp vai và 2 mảnh giáp hông, tất cả đều may dính liền vô áo:



4. Giáp tượng Kim Cương thời Lý

Căn bản bộ giáp này là phỏng theo Minh Quang giáp của nhà Đường (MQG là 1 loại giáp, nhận biết qua việc nó thường mặc kèm 2 mảnh hộ tâm 2 bên ngực):



MQG nhà Đường:

Và MQG nhà Lý: có thể thấy rõ đặc trưng MQG nhà Lý ta là tua vải hoặc nhạc được đính đầy dọc khắp các viền giáp vai, hông,... thậm chí cả váy lót hình như cũng có tua rủ:









5. Giáp tượng thời Lê:



6. Giáp tượng Trịnh – Nguyễn

Cái này lại hao hao kỵ binh Mãn Thanh:





7. Giáp lụa thời Nguyễn:

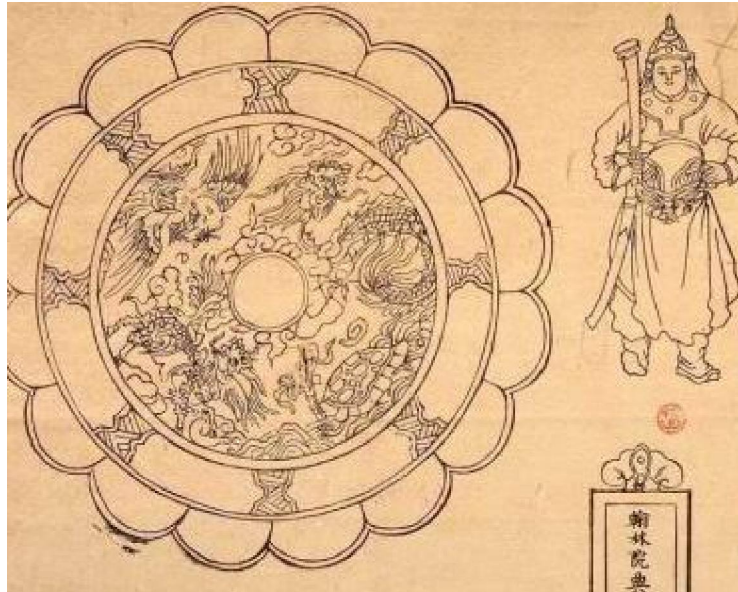
Cũng chẳng biết cái này là giáp thật hay là giả giáp nữa, vì nhìn nó cũng chẳng có vẻ gì là giáp vải độn. Bộ này cũng có tua rủ ở 1 phần váy:



8. Giáp vẽ vờ fantasy:

Thường thấy ở mấy ông tướng (ta lẫn giặc) trong tranh Đông Hồ, mấy bức này thường chịu ảnh hưởng nặng từ TQ:





Giày dép

Đôi giày dùng cho những người lính ngày xưa cũng được thiết kế rất gọn nhẹ, có tác dụng giúp cho bàn chân giảm bớt thương tích nếu bị giáo, kiếm chém hoặc bị sa vào chông, gai. Cụ Thụy cho biết, phần bên trong và bên ngoài của đôi giày là lớp vải dũi dày đã được nhuộm nâu kỹ hoặc nhuộm bột cây cậy (giã nhỏ cây cậy, hòa vào nước đun sôi để nhuộm vải). Phần cốt giữa của giày là giấy bản nhiều lớp, được quét bằng nhựa cây, sau đó dùng sơn ta phết lên cho kín để nước khó thấm vào trong, cuối cùng được chằm (khâu) bằng sợi chỉ gai. Đế giày được làm rất dày (khoảng 2, 3cm). Chiều cao từ đế lên đến miệng giày khoảng 30cm. (Để chiến thắng giặc Nguyên Mông hùng mạnh – Đặng Hùng)

Khiên

Chủ yếu là khiên oval, thường làm bằng gỗ, mây, thỉnh thoảng tương hoặc lính siêu VIP cũng có khiên kim loại (đồng hoặc sắt)



Nhà Trần: cái khiên gỗ dưới đây dài 1 met đây.





Khiên thê ki 13



Khiên tròn



Cái này của mấy đồng chí quân miền núi

Nhà Nguyễn: thật ra đám trong hình này chỉ là nhã nhạc thôi





Nón

- Nón gỗ. Cứ ngó mấy anh lính Nguyễn.



- Nón tứ phương bình đỉnh:

[Thái Bình] năm thứ 5 [974], (Tống Khai Bảo năm thứ 7). Mùa xuân, tháng hai, quy định về quân mười đạo: mỗi đạo có 10 quân, 1 quân 10 lữ, 1 lữ 10 tốt, 1 tốt 10 ngũ, 1 ngũ 10 người, đầu đội mũ bình đỉnh vuông bốn góc (loại mũ này làm bằng da, chóp phẳng, bốn bên khâu liền, trên hẹp dưới rộng, quy chế này đến đời bản triều khởi nghĩa vẫn còn dùng, đời sau vẫn theo thế). (Đại Việt sử ký toàn thư)

Nhìn mấy cái nón trên đầu mấy anh lính trong phim Lý Công Uẩn - Đường tới Thăng Long, chính là nó đấy (phác thảo thì là như thế, còn trang trí gì nó khác biệt thế nào thì chịu):



Sau này đến đời Lê, người ta dựa trên mũ này, hạ độ cao mũ xuống, đổi vuông thành tròn, để design 1 loại mũ mới, dùng cho lễ lạc (theo *Vũ Trung Tỳ Bút* của Phạm Đình Hổ). May be là cái mũ này:



- **Nón đầu mâu:** "Năm 1002, Lê Hoàn làm mấy ngàn mũ đầu mâu phát cho sáu quân." Cùng với mũ Tứ Phương Bình Đỉnh, đây là 1 trong 2 cái mũ chiến "quốc túy" đi suốt lịch sử VN thời phong kiến. Cơ bản đây là những miếng kim loại dài, được tán đỉnh dính vào nhau, chụm đầu lại thành cái mũ, rồi lắp thêm 1 cái gì đó trên chóp mũ (nhìn lại bức tượng thời Lê - Trịnh tôi post ở trên, bức nép trong bụi cây á, sẽ hiểu rõ cơ chế của nó hơn):

-



D. Vũ khí:

I. Bộ binh

1. Cận chiến

a. Giáo

Giáo ở VN rất đa dạng và được sử dụng rộng rãi (lí do: rẻ, dễ làm hơn các vũ khí khác).

- *Giáo tre*, loại này cực rẻ và dễ làm, thường được dân binh tự trang bị, nhưng ít khả năng xuyên giáp cho nên không được trang bị đại trà cho quân đội. Loại này hay bị nhầm với tầm vông, như tầm vông chủ yếu là người Nam Bộ và đặc ruột, giáo tre rỗng ruột.



Giáo tre

- Giáo ngắn, cái giáo ngắn của VN (khoảng 1->2 mét, dài tựa giáo của bọn Hoplites Hy Lạp), trang bị khá phổ biến trong quân đội, mũi giáo to, làm bằng kim loại, sắc, cán kim loại hoặc gỗ cứng.



Mũi giáo của quân Tây Sơn

- Giáo dài, có mấy thằng idiot cứ phán Đại Việt không dùng giáo dài vì đánh du kích không cần, phán sai bét, 1 là ai bảo Đại Việt biết mỗi du kích, 2 là có loại giáo dài tận 4 mét đây chứ ít đâu.



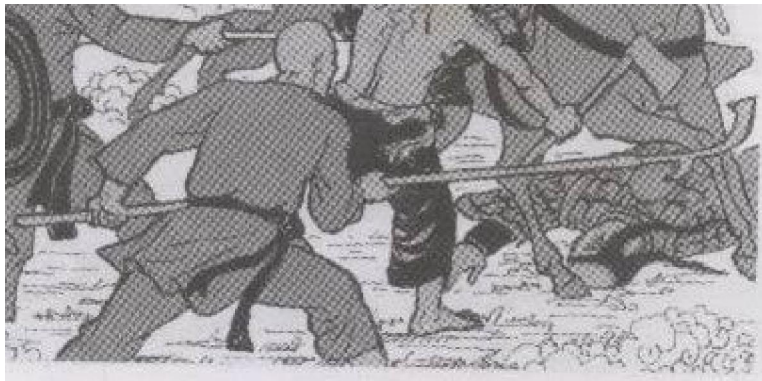
b. Câu liêm

Dùng để chặt chân ngựa và bắt địch, đôi khi có thể đem ra đánh như bộ binh. Trần Hưng Đạo sáng tạo ra chiến thuật đánh câu liêm rất hiệu quả mà từ đó đã tung dứt đám Heavy Cavalry Mông Cổ :D

Cách đánh câu liêm:

Theo sử sách, như đã nói ở trên, giặc Nguyên lúc đó rất mạnh về kỵ binh, cung nỏ cứng, gươm, dao sắc bén, giáo rất dài. Để chống lại đội quân kỵ thiện chiến ấy, những người lính của Hưng Đạo Vương thường được biên chế theo các đô (mỗi đội quân có 30 đô, mỗi đô có

30-50 người). Khi ra trận, ở mỗi đô thường được chia thành tổ ba người. Trong tổ ba người đó, có một người cầm khiên mây (khiên được đan bằng mây có trát bột giấy hòa lẫn với bột cây cậy). Người cầm khiên có nhiệm vụ đỡ giáo, gươm, tên của giặc để cho người lính thứ hai dùng câu liêm móc, giật chân ngựa hoặc người cưỡi trên lưng ngựa, làm cho ngựa ngã hoặc nếu không thì ngựa cũng lồng lên (vì bị lưỡi câu liêm sắc, giật mạnh làm chân ngựa bị thương), hát tên giặc đang cưỡi trên mình ngựa xuống đất. Người lính thứ ba có trách nhiệm dùng giáo hoặc đao xông vào đâm, chém tên giặc đã ngã ngựa. (Để chiến thắng giặc Nguyên Mông hùng mạnh – Đặng Hùng)



Và mũi câu liêm



c. Gậy

Cái này chắc không cần hình. Gậy chủ yếu dùng gỗ cứng. Nhà Nguyễn có 1 đội cấm quân chuyên đánh gậy đây.

d. Mâu, thương, kích

Những loại này cũng được trang bị, nhưng không rộng rãi -> ta không cần bàn đến ở đây.

*** *Chú ý: Phân biệt gươm, kiếm, đao*

1. Đao: 1 lưỡi đơn, bản to, bề rộng bản từ chuôi đến 3/4 mũi to dần, sau đó là vạt nhọn dần. Chủ yếu để chém
2. Kiếm: 2 lưỡi, gần suốt chiều dài thanh thì bề rộng bằng nhau, có mũi nhọn. Chủ yếu để đâm.
3. Gươm: 1 lưỡi, chiều rộng bản gần như kiếm, tuy nhiên giống đao tý là có thể phần mũi có vát lên. Chủ yếu để chém

e. Gươm và đoản đao



Guom

f. Kiếm

Kiếm trang bị không nhiều, chủ yếu là lấy của quân TQ.

f. Mã tấu

Có hình dạng là một thanh kiếm dài có độ cong vừa phải, sắc một lưỡi, đa phần là cứng chứ không mềm như kiếm, phần chuôi cầm bằng gỗ để giảm trọng lượng (khác với kiếm và đao vì 2 loại này phần chuôi thường làm bằng kim loại). Lưỡi giống như lưỡi hái. Rất thích hợp cho kỵ binh.

g. Siêu đao



h. Trảm mã đao



Chuyên để chém ngựa. Kị binh mà mất ngựa thì vô dụng rồi còn gì :D

i. Thiết lĩnh



Đập vỡ đầu địch, hoặc hất địch té ngựa ra xa, cái này nguy hiểm phết. Vũ khí thuần túy made in Đại Việt (khác hẳn côn Tàu nhè đừng nhầm)

2. Vũ khí tầm xa

a. Lao (phiêu)

Phiêu là chữ Hán, tiếng Việt là cái lao. Đại khái là vũ khí có đầu nhọn, dùng để ném, phóng bằng tay hoặc bằng máy. Thường là lao tre hoặc gỗ vót nhọn.

Lính miền núi thường xuyên sử dụng lao, nhất là lính Nùng.

b. Nỏ

Trình độ làm nỏ của dân ta là rất cao, nỏ được trang bị khá phổ biến trong quân đội. Bắn chính xác, hiệu quả, dễ sử dụng, dễ huấn luyện. Nỏ thường được làm bằng gỗ, mũi tên chủ yếu làm bằng kim loại (đồng hoặc sắt)



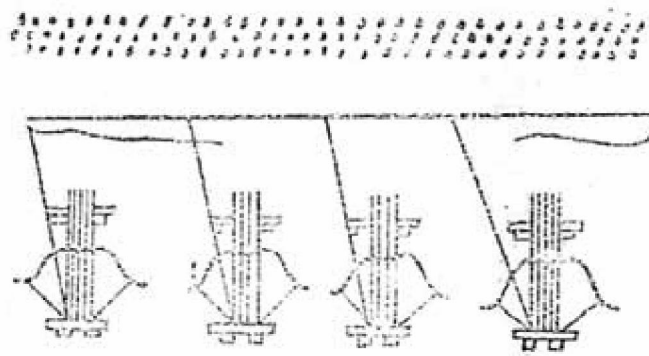
Nỏ của người miền núi

c. Liên nỏ và Liên châu nỏ

Liên nỏ và Liên châu nỏ nó khác nhau đây các đồng chí.

Liên châu nỏ = nỏ của các tộc Bách Việt phía Tây = cái nỏ nhét hộp đạn vào rồi bắn liên tục đến khi hết đạn rồi thay đạn. Cái nỏ này được cha Khổng Minh copy. Mà bọn Tàu nó lãng-xê ghê quá đến dân ta còn tưởng nỏ Liên châu của Khổng Minh, nói gì đến bọn Tây.

Liên nỏ = nỏ của Âu Lạc = cái nỏ lớn gồm nhiều “nỏ con” được nối dây vào nhau để 1 lần quay trục kéo dây thì mấy cái “nỏ con” cùng bắn 1 lúc (Ban đầu chỉ được 10, sau này cải tiến thêm mới được vài chục phát). Cái nỏ này cực lớn. Cái nỏ thần An Dương Vương là phiên bản “thần thoại hóa” của cái nỏ này. Cái này mấy ku Tàu cũng đem copy rồi lãng-xê nốt.



Liên nỏ dây



Còn đây là Liên châu nỏ

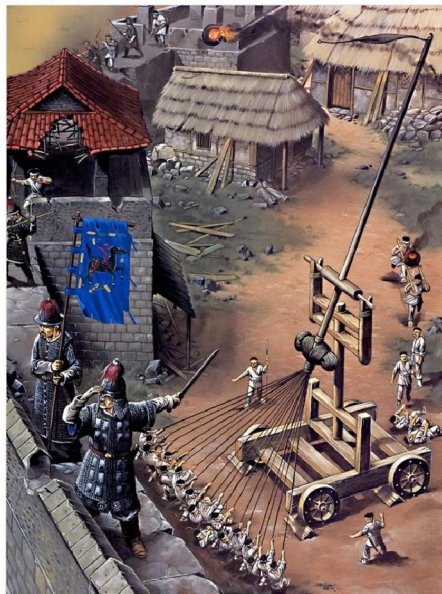
P/S: Tụi Tàu nó biết chế cung chứ không biết chế nỏ, nỏ của chúng nó chỉ đi copy từ nỏ Việt rồi lãng-xê lên mà thôi. Tóm lại là Việt chuyên nỏ, Tàu chuyên cung. Công nhận bọn này lãng-xê tốt thật, giờ cả 2 loại nỏ trên đều trở thành “đặc sắc TQ” trong các games mà không ai biết.

d. Cung

Cung tên có nhiều loại, từ cung tre cho đến cung composite (chủ yếu là cung tre). Cái này hình thù thế nào ai cũng biết cả rồi. Cung tên cũng được trang bị rộng để bù đắp sự thiếu hụt về tầm bắn của nỏ, nhưng phải lính chuyên nghiệp mới sử dụng cung thành thạo được. Con em quý tộc nhà nòi ngày xưa đều phải đi học cưỡi ngựa bắn cung hết để khẳng định đẳng cấp. Trong cấm quân Đại Việt cũng có lực lượng Xạ Kị Binh (Kị Cung).

e. Máy bắn đá

Máy bắn đá Đại Việt thuộc dạng Mangonel. Máy bắn đá Mangonel kém chính xác hơn 1 cỡ máy Trebuchet (ra đời sau, không lâu trước khi có sự khám phá và sử dụng rộng rãi thuốc súng). Mangonel ném những hòn đá có đường đạn thấp hơn và tốc độ cao hơn Trebuchet với mục đích là phá hủy tường thành hơn là ném qua chúng vào bên trong.



C: Mobile traction trebuchet with molten iron bombs at Kaju, Korea 1231

Đại khái là dạng của nó như thế này.

Đại Việt có sử dụng máy bắn đá, nổi tiếng nhất là trong trận công thành nhà Tống của quân Lý Thường Kiệt. Thời Trần trở đi, máy này được cột theo cái giỏ đá nặng ở bên phần tay giật để dễ giật hơn.

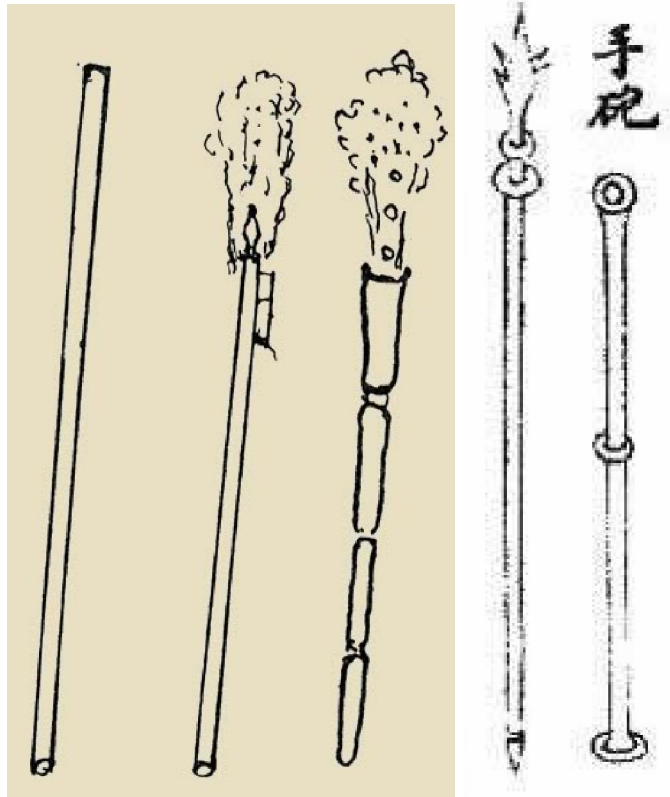
3. Hỏa khí (súng, pháo)

Lịch sử phát triển hỏa khí Việt Nam cho thấy cha ông đã luôn bắt nhịp với thời đại. Thậm chí, có thời điểm, còn vượt lên thành nước hùng cường trong khu vực.

Khoảng thế kỷ 6 -7 loài người đã biết đến thuốc súng, song phải tới thế kỷ 10 - 11, nó mới được sử dụng trong chiến tranh dưới dạng những tạc đạn gây nổ, gây cháy. Năm 1275 mới xuất hiện loại ống bằng kim loại. Súng pháo ra đời tạo ra cuộc cách mạng trong lịch sử vũ khí loài người.

Tại Việt Nam, ngay từ thế kỷ 13, trong dân gian nước ta đã sử dụng phổ biến một loại pháo gọi là “bộc trúc”. (Vũ khí cha ông ta: Hỏa khí - Tuyệt Trình)

a. Hỏa Thương



Là một ống tre, nhồi thuốc nổ phía dưới, nhét mũi tên, đạn, mảnh đạn ... vào, châm ngòi thuốc nổ -> bùng. Nói chung là tầm bắn xa (300 bước), sát thương khá, nhưng nạp đạn bắn thì lâu quá trời. Súng này xuất hiện từ thời Trần (12xx) (*Sun Laichen. tr 89*)

b. Hỏa Hồ, Hỏa Đồng

Hỏa Hồ xuất hiện từ thời Trần, nó là một ống tre lớn, nhét thuốc nổ phía dưới, xong rồi phía trên nhét đạn hay mảnh kim loại vào. Đến thời Quang Trung, súng Hỏa Hồ được cải tiến thêm chất gây cháy, khi bắn vừa gây sát thương vừa đốt quần áo địch. Cũng có người nói Hỏa Hồ hoạt động tương tự súng phun lửa ngày nay, thuốc nổ trộn dư chất khử.

Phiên bản cao cấp hơn của Hỏa Hồ là Hỏa Đồng, làm bằng kim loại, nên có thể dùng nhiều lần, thay vì dùng 1 vài lần rồi bỏ đi như Hỏa Hồ.

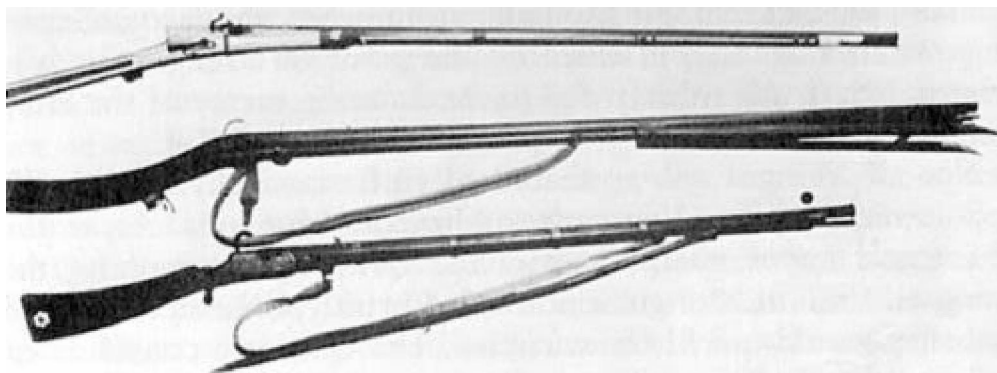
(theo *Binh thư yếu lược*)



c. Hỏa Mai

Các loại súng hỏa mai của Hồ Nguyên Trừng, nhanh chóng trở thành tiêu chuẩn cho các loại súng và được phổ biến khắp Á-Âu. Súng được làm bằng thép và diêm sinh Tây Vực. (*Sun Laichen. tr 91*)

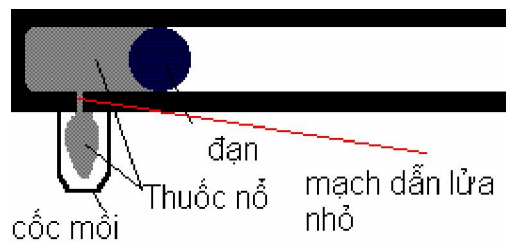
Hỏa Mai của Hồ Nguyên Trừng vượt trội hoàn toàn so với Hỏa Mai châu Âu. Thật ra mà nói, súng châu Âu chỉ hơn được súng Viên Đông từ nửa sau thế kỉ 19, đó là thời kì tri trệ nhất của nhà Nguyễn.





Hỏa thẳng câu thương bản Hồ Nguyên Trừng chế/cải tiến cho nhà Minh.
Của nhà Hồ chắc cũng tương tự.

Nguyên lí hoạt động





Súng Hỏa Mai châu Âu, khoảng 1470

Và đây là Hỏa Mai của mấy anh Tây Balô lạc hậu cùng thời kì ==)) ==))

d. Súng Thần cơ



Có gì cần nói về khẩu Bazooka đầu tiên trên thế giới không? Phát minh đi trước thời đại của Hồ Nguyên Trừng.

e. Hoả tiễn

Phạm trí tướng dụng binh, việc gì cũng dự bị. Nếu không dự bị thì lâm cơ trong khoảng chốc lát lấy gì mà ứng dụng. Ví dụ như lúc cướp trại giặc, vượt vòng vây, đánh giáp mặt ở đường hẹp, cùng trận ngựa liên hoàn, trận voi chặn đường, nên dùng tên lửa mà đánh thì cái gì cũng tan.

Phép làm: Lấy cái ống dài 6 tấc 3 phân, nhồi thuốc súng làm 3 nấc, nấc thứ nhất dày một tấc, giọt 300 chày, nấc thứ hai dày 3 tấc, giọt 300 chày, nấc thứ ba nạp tên sắt, đuôi tên có đeo sao dài 1 tấc, lại nạp thuốc 1 tấc, giọt 300 chày. Xong rồi đăng sau ống sắt dùng ống tre già 5 tấc tiếp vào, lại cho ngòi thuốc xuyên vào đầu ống. Lúc dùng lấy lửa đốt đầu ngòi thì thuốc lửa cùng tên sắt tự nhiên bắn tung ra. (theo Hồ trưởng khu cơ - Đào Duy Từ)

Ngoài ra còn có loại **hỏa tiễn chứa thuốc độc**

Phạm ít không địch được nhiều, yếu không địch được mạnh, đó là lẽ thường. Nhưng Binh pháp có nói: “Người đánh giỏi trước làm thế địch không thể thắng được để chờ thế của địch mình có thể thắng”. Cho nên cầm quân 3.000 người chống giặc năm đường, phòng ở nơi đồng rộng đường dài, giặc đem cả nước sang đánh thì lấy gì mà chống được? Nên dùng phép hỏa tiễn chứa thuốc độc:

Trước hết sai quân đào hai rãnh ở hai bên đường, sâu 4 thước 5 tấc, dài 200 bước hoặc 100 bước hay 50 bước, giữa đường lại đào một rãnh ngang để thông hai rãnh tả hữu. Lại khiến thợ sắt đúc cái bầu sắt đường kính đáy 2 thước, đường kính miệng 2 tấc 3 phân, hoặc 100 cái, hoặc 1.000 cái, hình như quả bầu. Lại làm ống sắt dài 4 thước 3 tấc, mỗi bầu một ống. Lấy thuốc độc nạp vào trong bầu, xong rồi lại đem ống sắt cắm vào trong bầu từ miệng đến đáy. Lại lấy thuốc súng nạp vào đầy ống sắt. Lại lấy viên bánh thuốc độc nạp lên trên thuốc súng. Lại lấy thuốc súng nạp lên trên bánh thuốc độc. Lại lấy mũi tên sắt 10 cái hoặc 100 cái hình như ngọn mác, dùng dây gai buộc làm một bó nạp lên trên thuốc súng. Lại lấy thuốc súng nhét lên trên bó mũi tên. Lại lấy viên bánh thuốc độc nhét lên trên thuốc súng. Lại nạp mũi tên lên trên thuốc súng. Lại lấy thuốc súng nhét lên trên mũi tên. Như thế 3, 4 lần, đến khi đầy ống thì thôi. Bấy giờ mới đem bầu sắt ấy để vào trong rãnh, miệng bầu hơi nghiêng trở lên, các ống đều cách nhau chừng một bước. Hai rãnh bên tả hữu đều đặt như thế. Rồi sau đặt máy lửa ở rãnh ngang, trên có ngòi thuốc chạy vào miệng cái

ống ấy để làm thế nổ liên liếp. Lại lấy nan tre làm phen che lên trên các rãnh, phủ cát cỏ lên. Làm xong rồi, mới đi dụ giặc ra đánh nhau, giả cách thua mà chạy. Giặc thừa thế đuổi theo, đến chỗ rãnh ngang xéo phải máy lửa thì ngòi lửa cháy đến các ống mũi tên thuốc độc, thuốc súng cùng lửa đều nổ tung, dù trăm vạn quân cũng chỉ một chốc đều bị nát. (theo Hồ trưởng khu cơ - Đào Duy Từ)

Còn có dạng tương tự: **Hỏa Long**

Là 1 dàn phóng tên lửa, đặt trên các chiến hạm Tây Sơn.

Con rồng lửa là một loại ống phóng có bốn hỏa tiễn ở thân chính, khi cháy hết sẽ mồi vào những tên lửa ở trong bụng rồng và những tên lửa đó sẽ được bắn vọt ra đằng miệng. Hỏa long được sử dụng trong những trận hải chiến mà hai bên còn cách xa, các binh thuốc nổ ném chưa tới, dùng để đốt tàu địch. Vì chưng hỏa tiễn bắn ra hàng loạt trông như một con rồng lửa bay trên mặt nước nên được đặt tên là hỏa long. (Hoàng Đế Quang Trung ra Bắc – Nguyễn Duy Chính)

f. Hỏa cầu



Phép hỏa cầu là phép thần của Tây-dương. Trong lúc đem quân đi đánh giặc, hai bên bày thành thế trận, ta đem súng phi thiên mà bắn, quả nổ tung ra, rơi đến đâu thì quả nổ nổ ra, mảnh sắt tung toé bốn mặt, dầu guơm giáo choáng trời, cờ xí lấp đất cũng chỉ một lát là tan nát hết.

Phép làm: Trước hết sai thợ sắt đúc một bình gang tròn ước 1 thước gọi là quả mẹ, lại đúc ba quả con mỗi quả tròn 2 tấc. Đều đúc gang mỏng. Trên miệng có nắp có đường tròn ốc để khi đẩy nắp lại không bật ra được. Rồi sau nạp thuốc súng vào miệng bình. Hãy xin nói một quả. Trong lòng đựng đầy thuốc súng, xong rồi lấy nắp đẩy kín miệng lại. Trước dùi một lỗ nhỏ để luôn dầy ngòi vào. Dùng vỏ gai ngâm nước muối phơi khô kết thành dây và quấn ở ngoài quả nổ, hình như rắn quấn, như thế là để cho lửa không cháy vung ra. Lại lấy vỏ gai khô buộc xen vào, khiến cho lửa không tắt được. Lại lấy dây ngòi thuốc súng quấn vào toàn thân quả nổ, cuối cùng luôn đầu ngòi vào lỗ nhỏ, như thế là cốt cho nổ chậm. Lại lấy nước muối tắm vào vỏ gai, phơi khô, quấn vào chung quanh quả nổ rất kín. Làm như thế xong rồi lại lấy dây thau nhỏ buộc chằng ở ngoài, để cho lúc bắn đi không tuột da quả nổ. Lấy mấy quả con ấy nạp vào trong bụng quả mẹ. Quả mẹ cũng làm như cách nói trên. Còn đầu dây ngòi thì nên để hở ra ngoài. Cứ thế đem quả nổ nạp vào đại bác phi thiên mà bắn thì quả nào cũng nổ.

Lời bổ chú của Kiêm-trai: Phàm mùa đông mà bắn quả nổ, nên dùng mỡ rái cá bôi ngoài vỏ gang quả mẹ quả con thì càng tốt.

(theo Hồ trưởng khu cơ - Đào Duy Từ)

g. Yên cầu



Quả mù thuốc độc. Quả này nặng 5 cân, dùng lưu hoàng 15 lạng, ô dầu thảo 5 lạng, diêm tiêu 1 cân 14 lạng, ba đậu 5 lạng, lang độc 5 lạng, đồng du (dầu trẩu) 2 lạng rưỡi, bột than gỗ 5 lạng, nhựa thông 2 lạng rưỡi, thạch tín 2 lạng, sáp ong 1 lạng, trọc nhựt 1 lạng 1 phân, ma nhựt 1 lạng 1 phân. Các thứ ấy giã với nhau rồi nặn làm quả tròn, xỏ qua một sợi dây gai dài 1 trượng 2 thước và nặng nửa cân, rồi lấy thuốc bao ngoài mà bao. (Binh Thư Yếu Lược)

h. Súng Thần công, Đại bác

Súng thần công là phiên bản lớn của Thần Cơ, gắn trên tàu chiến, tường thành, tương tự như đại bác. Nhà Minh học được cách đúc thần công của Đại Việt sau cuộc xâm lược năm 1407 (theo *Minh Sử*)

Tại Lũy Nhật Lệ (Đào Duy Từ xây cho chúa Nguyễn) dài 12km, có tới 3000 khẩu thần công, như vậy chưa đầy 20m lại có một khẩu đội pháo. (Nguyen Cochinchina - Li Tana)



Pháo thôi chứ còn gì nữa =))



Cửu Vị Thần Công – Huế.

II. Kị binh, tượng binh

1. Kị binh

Ngựa Việt nổi tiếng giống “pony”, và đương nhiên vì thế kị binh không phát triển cho lắm (nhưng cũng không hẳn là kém). Ngựa chủ yếu được mua từ Tàu và Đại Lý.

Kị binh gồm 3 loại chính: Khinh Kị, Thiết Kị và Xạ Kị Binh.

Khinh kị cầm giáo ngắn, khiên tròn, giáp giấy. Thiết Kị có giáp lụa hoặc giáp kim loại cho tướng, cầm mã tấu. Xạ Kị Binh gồm những chiến binh cưỡi ngựa bắn cung giỏi nhất trong cấm quân.

Minh Sử chép, sau khi đánh xong nhà Hồ, Trương Phụ đã vét được tổng cộng: 235 000 con voi/ngựa/trâu. 8 670 thuyền và 2 539 800 đồ quân khí. (trích theo đại cương lịch sử VN). Không phải phải có thảo nguyên kiểu phim Tàu thì mới nuôi nổi voi với ngựa. Kỳ thực, Đại Lý (ông tổ của Lào và Thái Lan) ở Vân Nam là 1 trung tâm buôn ngựa chiến. Ở đó, người ta nuôi ngựa trên sườn đồi, thung lũng. Theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, năm 1012, bản thân cụ Lý Công Uẩn từng kéo quân đánh đoàn thương buôn ngựa Đại Lý sang nước ta buôn bán, cướp đến 10 000 con ngựa. Nhiều đó đủ thấy mức độ giao dịch của ta với Đại Lý về ngựa nghèo là rất lớn. Không dám nói đến quân ta có đến hàng vạn con ngựa, nhưng vài ngàn con voi lẫn ngựa thì chẳng có gì quá lắm (nhìn con số hơn 200 000 con voi, trâu, ngựa và nhà Minh vét được). Người dân tộc giỏi ngựa, theo Vũ Minh Giang trong cuốn Quân Thủy Trong Lịch Sử Chống Ngoại Xâm, từ thời Lý trở đi, triều đình bắt đầu chú trọng thêm bộ, kỵ bên cạnh thủy quân, chiêu nạp các tướng gốc người dân tộc vốn giỏi kỵ để tăng cường lực lượng kỵ binh. Vụ bắt con em quý tộc học cưỡi ngựa bắn cung cũng chỉ là 1 trong những biểu hiện của hướng phát triển đó. (bác yevon lichsuvn tổng hợp)

2. Tượng binh

Voi Việt thực ra là đi cướp của lũ Champa, Khmer, Lào nhưng “ngon” hơn nhiều ở chỗ voi được “độ” vũ khí tùm lum. Có 4 loại voi chiến được “độ”:

- a. Cung Nỏ
- b. Hỏa cầu, Yên cầu
- c. Hỏa Mai, Hỏa Hổ, Hỏa Đồng
- d. Thần công

III. Thủy binh

1. Một số dẫn chứng lịch sử về thủy quân Đại Việt

Lý – Trần

Theo sử sách ta biết được thời Lý có nhiều loại thuyền chiến như thuyền **Mông Đồng (hai đáy)**, thuyền **Lưỡng Phúc (hai lòng)**, thuyền **Ngự (thuyền chỉ huy)** và **Lâu thuyền (thuyền lâu)**. Đại Việt sử lược chép:

"Tháng 11 (1106) vua sắp có việc lỗi thời với nhà Tống, sai đóng thuyền Vĩnh Long hai đáy và đóng chiến hạm"1 (Việt sử lược bản dịch của Trần Quốc Vượng, Nxb Văn Sử Địa, H. 1960, tr.122). Toàn thư chép: "Năm 1124, đóng thuyền Trường Quang kiểu hai lòng"2 (Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd. Tập 1, tr.125)...

Loại thuyền chiến phổ biến thời bấy giờ là thuyền Mông Đồng và thuyền Lưỡng Phúc, có hai đáy an toàn và tiện lợi. Trên thực tế, thuyền Mông Đồng đã có từ những thế kỷ trước. Từ thế kỷ IX, ở nước ta đã đóng loại thuyền này và sau đó được sử dụng phổ biến. Quân thủy thời Ngô Quyền ngoài các thuyền nhỏ như thuyền độc mộc, thuyền thúng, cũng đã sử dụng loại thuyền Mông Đồng; theo sử sách mô tả, thời đó *"mỗi chiếc có 25 chiến thủ, 23 tay chèo, thuyền chèo ngược xuôi, nhanh như gió"*; đó là *thứ thuyền hẹp và dài, dùng để xông đánh thuyền giặc*" (Việt sử lược, Sđd, tr.122). Đến thời Lý, thuyền Mông Đồng nói trên chắc đã được cải tiến, có hiệu quả hơn trong vận tải cũng như khi chiến đấu. Thuyền chỉ huy của vua mang tên gọi Kim Phụng, Thanh Lan, Cảnh Hưng, Vĩnh Xuân...

2 đoạn mô tả rõ hơn thuyền Mông Đồng và Lâu Thuyền

- Đại Việt Sử Lược

Năm Ất Sửu (năm 1205- ND) là năm Thiên Tư Bảo Hựu thứ 41: "Trước kia, Đàm Dĩ Mông đắp lũy xong, lại đóng vài chục chiếc thuyền lâu (thuyền có lâu ở trên- ND) rồi sai Phú Lương là tay cung nỏ ở trên đấy. Dùng dây dài buộc đuôi thuyền và ra lệnh rằng: "Hễ

giặc đến thì chèo thuyền qua sông mà bắn. Nếu như có sự bất lợi thì chèo thuyền trở về".

- An Nam Túc Sự của sử giả Trần Phu:

"thuyền mông đồng ... đuôi như cánh uyên ương. Hai bên mạn thuyền cao hẳn lên, mỗi chiếc có tới 30 tay chèo, nhiều thì đến hàng trăm. Thuyền đi như bay."

- Thăng Việt gian (cho nhà Nguyên) Lê Tắc viết

Trương-Châu

*Nguyên trước làm An-nam kinh-lược phán-quan, đến đời vua Hiến-Tông, năm Nguyên-Hoà thứ 3 (808), đổi làm chức Đô-hộ Kinh-lược sứ. Quan Kinh-Lược trước là Trương-Bá-Nghi đắp thành Đại-La, thành chỉ cao hai trượng hai thước, mở ba cửa, cửa đều có lầu; đông tây mỗi phía đều có ba cửa, phía nam 5 cửa, trên cửa đặt trống còi, trong thành, hai bên tả hữu, đều cất 10 dinh. Thời Bùi-Thái, hai thành Hoan, Ái, bị Hoàn-Vương (tức vua Chiêm Thành) đánh phá tan tành, Trương-Châu cho sửa đắp lại. Lúc đầu trong quân đội, khí giới chỉ có 8.000 món, 3 năm lại đây tăng lên hơn 300.000 món. Châu khiến bộ-thuộc cất 30 gian lầu để chứa. Trước kia có chiến-thuyền vài mươi chiếc rất chậm chạp, Châu khiến đóng thành **kiểu thuyền đồng-mông, 32 chiếc, mỗi chiếc chở thủy-thủ 25 người, trạo-phu 23 người, 2 cây nỏ bắn xe, thuyền chèo tới lui, mau như gió.** Các nước Chiêm-Thành, Chân-Lạp đều lo tiến-cống. Châu chết, Liễu-Tử-Hậu làm văn tế.*

Tây Sơn

John Barrow - hội viên Hội Hoàng gia Anh - đã đến xứ Đàng Trong và chứng kiến:

"Thuyền của họ đóng rất đẹp, thường dài từ 50 đến 80 pied (1 pied = 0,30m). Đôi khi một chiếc thuyền như vậy chỉ gồm 5 tấm ván, kéo dài từ đầu nọ đến đầu kia và được ghép vào nhau bằng mộng. Thuyền biển của họ đi không nhanh lắm, nhưng rất an toàn. Bên trong được chia thành từng khoang, loại này rất chắc có thể đâm vào đá ngầm mà không chìm vì nước chỉ vào một khoang mà thôi. Hiện tại ở Anh đã bắt chước cách làm này để áp dụng vào việc đóng tàu".

Một số lớn thuyền chiến của Tây Sơn được trang bị pháo, nhằm tăng cường hỏa lực, tạo nên mũi đột kích có sức công phá và tiêu diệt lớn. Trong một bức thư của Jeaptiste Chaigneau cho biết ở Quy Nhơn, thủy đội Tây Sơn có 54 tàu, 93 chiếc thuyền, 300 pháo hạm, 100 tàu buồm trang bị khá hùng hậu. Thậm chí, Quang Trung còn cho chế được tàu có trọng tải 150 tấn, có thể chở voi chiến (tàu phương Tây cũng chỉ đạt 160 tấn).



Thuyền Đại Hiệu – Tây Sơn

Nhà Nguyễn

“Mọi thuyền chiến đều có ít nhất một khẩu pháo ở đằng mũi. Tùy dạng thuyền mà số lượng pháo ít nhiều có khác nhau” (Thủy quân trong lịch sử chống ngoại xâm – Nguyễn Việt)

Về cơ bản thủy quân Nguyễn đều có tàu lớn và súng pháo đầy đủ. Ít ra không phải đem ghe thuyền lội biển đánh giặc =))

2. Lịch sử của Thủy quân Đại Việt:

Thời kì Bách Việt, người Việt còn sang tận Mã, Ấn, Úc ... buôn bán, sinh sống. Rất nhiều trống đồng, chim Lạc mà người Việt mang theo được tìm thấy ở những nước đó. Chứng tỏ công nghệ hàng hải của người Việt không phải tồi.

Nhà Đinh và Tiền Lê

Đến đời vua Đinh và vua Lê Đại Hành thì chiến thuyền đã được tổ chức quy củ, lập thành đội ngũ hẳn hoi, thao luyện thủy trận trên sông ngòi ở ghềnh Tháp, ngòi Sào-Khế, hang Luồn thuộc kinh đô Hoa Lư. Nhờ có đội chiến thuyền tinh nhuệ, Đinh Bộ Lĩnh đã tiêu diệt được cánh quân mạnh nhất của sứ quân Phạm Bạch Hổ ở Dục Thúy (núi Non Nước), thống nhất giang sơn, lập nên nhà Đinh

Nhà Lý

Sang triều Lý, các vua Lý liên tiếp đem binh thuyền đi đánh Chiêm Thành mở mang bờ cõi về phương Nam Sự kiện chấn động nhất trong lịch sử, chứng tỏ sức mạnh vượt trội của thủy quân thời Lý là vào năm Ất Mão 1075, khi thái sư Lý Thường Kiệt đem 10 vạn quân thủy bộ sang vây đánh Khâm Châu, Liêm Châu (Quảng Đông) và Ung Châu (Quảng Tây), phá tan thành quách, triệt hạ bốn quan binh rồi rút quân an toàn về nước mà nhà Tống không kịp trở tay, quả nhiên binh thuyền thời Lý hết sức lợi hại.

P/S: Hoàng tử Lý Long Tường với một đội tàu còn sang hẳn Cao Ly (Triều Tiên). Trên đường đi, ông để lại 200 người ở đảo Đài Loan (thời này vô chủ) -> Tự hiểu. Ông còn sử dụng binh pháp nhà Lý đánh bại quân Mông Cổ -> người Triều Tiên tôn thờ ông lắm. Như vậy ở Viễn Đông chỉ có Kamikaze (Thần phong) và người Việt đánh bại được quân Mông Cổ =))

Nhà Trần

Đời nhà Trần, Quốc Công tiết chế Trần Hưng Đạo lại noi gương Ngô Quyền, đánh tan quân Nguyên Mông trên sông Bạch Đằng, Trần Khánh Dư đốt thuyền lương giặc ở biển Vân Đồn, Trần Nhật Duật phá thủy trận của Toa Đô ở bến Hàm Tử, Trần Quang Khải và Trần Quốc Toản đánh tan hạm thuyền giặc ở bến Chương Dương, vv. tất cả đều nhờ vào thủy quân tinh nhuệ và chiến thuyền đa dạng, tính năng chiến đấu cao

Nhà Hồ

Đời nhà Hồ, Hồ Quý Ly hết sức chú trọng việc võ bị: chiến thuyền được đóng mới to lớn hơn, có nhiều tầng lát ván sẵn tiện cho việc đi lại, chiến đấu. Tầng dưới cùng ngăn thành nhiều khoang ngồi dành cho đội chèo chống chống với hàng dẫy mái chèo dọc theo 2 bên thân thuyền. Cộng với tài năng kiệt xuất của Hồ Nguyên Trừng (con trai Hồ Quý Ly) chế ra súng thần cơ, các hạm đội còn được trang bị thần cơ pháo khiến thủy binh của giặc Minh lả phen khiếp đảm kinh hồn, tổn thất đáng kể

Tiếc thay, nhà Hồ không được nhân dân ủng hộ vì lòng người vẫn hướng về nhà Trần nên cuộc kháng chiến của nhà Hồ nhanh chóng thất bại, nước ta bị giặc Minh đô hộ

Nhà Lê Sơ

Sang đến nhà Lê lại có sự cải tổ về thủy quân. Lúc này các chiến thuyền và thủy quân mới tách biệt thành 1 binh chủng riêng, độc lập với bộ binh, tượng binh, kỵ binh

Trang trí vẽ thuyền trở thành nghi lễ quốc gia, chia thành nhiều phiên hiệu rạch ròi như: Thiện Hải thuyền của vua chúa khi xuất trận, Đấu thuyền, Lâu thuyền, Tẩu Kha thuyền, Khai lăng thuyền, Hải Cốt thuyền...với hình dáng, cấu trúc, chạm khắc, màu sắc, vương huy, vương hiệu khác nhau

Năm 1465, vua Lê Thánh Tông lại định ra phép duyệt trận đồ thủy bộ, thủy trận với các phép Trung Hư, Thường Sơn Xà, Mã Thiên Tinh, Nhạn hàng...

Đội chiến thuyền lớn nhất lịch nước ta cũng được thành lập vào thời Lê. Năm 1469, vua Lê Thánh Tông đã ngự giá thân chinh cùng với tướng Đinh Liệt đem 25 vạn quân và 5000 chiến thuyền vào đánh Chiêm Thành .

Trịnh-Nguyễn phân tranh

Năm 1596, chúa Trịnh Tùng gửi biểu sang vua nhà Minh đề xuất đưa thủy quân Đại Việt (triều Lê Đàng Ngoài) giúp Minh đánh Nhật Bản, đủ thấy hạm thuyền nước ta lúc đó hùng mạnh đến cỡ nào.

Năm 1646, chúa Trịnh Tráng lại muốn chiếm Quảng Đông nên sai Trịnh Lãm làm thống lĩnh, Ngô Sĩ Vinh làm đốc đồng dẫn 300 chiến thuyền vượt biển sang đánh Quảng Đông, đến nơi thì gặp quân Thanh đang bị quân

Minh bao vây, hai tướng liền xung trận giải vây cho vua Thanh. Sau khi lên ngôi, Thanh Thế Tổ nhớ ơn phong cho Ngô Sĩ Vinh là lương quốc công thần.

Cùng thời gian đó, chiến thuyền của chúa Nguyễn ở Đàng Trong cũng mạnh mẽ không kém. Năm 1599, một chiếc tàu Kenki (Nhật) khi hải hành bị mắc cạn tại Cửa biển Thuận An cũng bị một tướng của Chúa Nguyễn Hoàng chặn bắt được. Đầy đủ trang cụ bị tịch thu, cả thủy thủ đoàn tàu cướp biển bị bắt. Trước đó, Hải quân Việt nhiều lần đánh nhau với cướp biển Nhật Bản, khi chúng từ Trung Hoa tràn sang VN.

Hai năm sau, 1601, Chúa Nguyễn Hoàng gửi bức thư ngoại giao chính thức đầu tiên của nước ta đến Tướng Quân Shogun Tokugawa. Hai xứ Việt Nhật bắt đầu lập giao thương đường biển. Thương điếm vùng Hội An được thành lập với nhiều thương nhân ngoại quốc và đặc biệt đông nhất là người Nhật Bản, bắt đầu phát triển mạnh mẽ.

Năm 1643, thủy quân chúa Nguyễn do thế tử Nguyễn Phúc Tần chỉ huy làm gỏi tại trận soái hạm Hà Lan, 2 con còn lại chạy cong dít trong đó 1 con hoảng quá đâm phải cồn mà chìm.

Một tu sĩ tên Choisy kể năm 1697, chúa Nguyễn có 131 chiếc thuyền (chưa tính chiến thuyền địa phương), mỗi thuyền có chừng 60 tay chèo, 2 pháo thủ, 3 sĩ quan chỉ huy, hai trống trận.

Năm 1801, đã xảy ra 1 trận thủy chiến vô tiền khoáng hậu giữa Quân chúa Nguyễn và Quân Tây Sơn (hậu Quang Trung), đó là Trận Thị Nại. Trong trận này quân Nguyễn chết mất 4.000, Quân Tây Sơn thiệt tới 20 ngàn và mất hết cả hải đội hùng mạnh: thuyền buồm bị tiêu 1.800 chiếc, 600 khẩu đại bác đủ cỡ và nhiều quân nhu, vũ khí, vàng bạc của binh tướng Tây Sơn rơi xuống đáy biển

Nhà Tây Sơn

Cuối cùng trận thủy chiến oai hùng chứng tỏ sức mạnh của thủy quân Việt Nam, dù ở bất kì thời đại nào cũng sẵn sàng đập tan mọi âm mưu xâm lược của giặc, đó là trận thủy chiến trên sông Rạch Gầm – Xoài Mút: Nguyễn Huệ đánh tan 2 vạn quân Xiêm và 300 chiến thuyền của chúng vào năm Giáp Thìn 1874

(theo vndefence.info)

3. Một số loại thuyền chiến:

a. Thuyền Mẫu Tử

Thuyền 2 thân lồng vào nhau, 4 mái chèo, 1 buồm. Mũi thuyền tròn gắn đinh răng sói (đinh nhọn), hông thuyền cũng đầy đinh sắt, đục vào thuyền giặc thì móc, cột vào, đốt cho cháy củi và thuốc súng trên thuyền rồi tháo thuyền con rút lui.

b. Lâu Thuyền:

Thuyền 2 tầng lầu. Đại khái nó thế này



Cái thuyền lâu này của nhà Trịnh

c. Tẩu Kha:

Thuyền do nữ tướng chỉ huy, không dùng buồm, thân thon dài, trên có 3 cột cờ đại và 2 hàng chèo dọc thân thuyền, phu chèo và thủy binh đều tinh nhuệ, lợi hại và đi lại như bay, đột kích bất ngờ, rút lui nhanh chóng.

d. Du Đĩnh:

Thuyền có nhiều tầng to cao, trên có mái che với hàng dọc cờ xí, chứa được nhiều quân cung thủ, quan sát giặc từ xa, lợi hại khi đổ bộ binh đánh úp.

e. Mông Xung:

Không buồm, không cờ, mũi tròn căng phủ da trâu khên tên đạn không xuyên thủng được. Khoét nhiều lỗ tò vò để bắn cung nỏ, đâm giáo khi tiếp cận thuyền giặc. Chèo tới lui nhanh chóng.

f. Khai Lãng:

Khai lãng có nghĩa là đầu nhọn. 2 đầu thuyền cong vút như chim bay. 4 chèo 1 lái, chứa đến 50 quân, nước thuận nghịch đều xoay trở nhẹ nhàng, 3 cột buồm. Cột giữa cao có đài quan sát, bắn cung tên.

g. Liên Hoàn:

Thuyền 2 nửa, chính giữa ghép với nhau bằng móc sắt. phần trước chứa đầy hỏa pháo, hỏa tiễn hướng về phía địch, mũi thuyền gắn đinh móc để đâm vào tàu giặc. Khi dính cứng rồi thì cho phát hỏa, rồi tháo móc sắt, chèo nửa thân còn lại của thuyền chở về doanh trại.

h. Thuyền Máy Thần Phi:

Dùng 4 bánh xe quạt nước thay cho mái chèo gắn 2 bên hông thuyền, cỡi sóng đập gió đi lại như bay. Có khoang ngầm bí mật cho phục binh nấp bên dưới. Gặp giặc thì thủy binh bên trên bỏ thuyền bơi trốn, cho giặc chiếm thuyền rồi bất ngờ cho phục binh xông lên tiêu diệt.

i. Hải Cốt:

Là thuyền chiến to lớn và rắn chắc với hàng chục tay chèo, hàng trăm binh sĩ, dàn trận trực chiến với thuyền giặc

j. Đấu Thuyền:

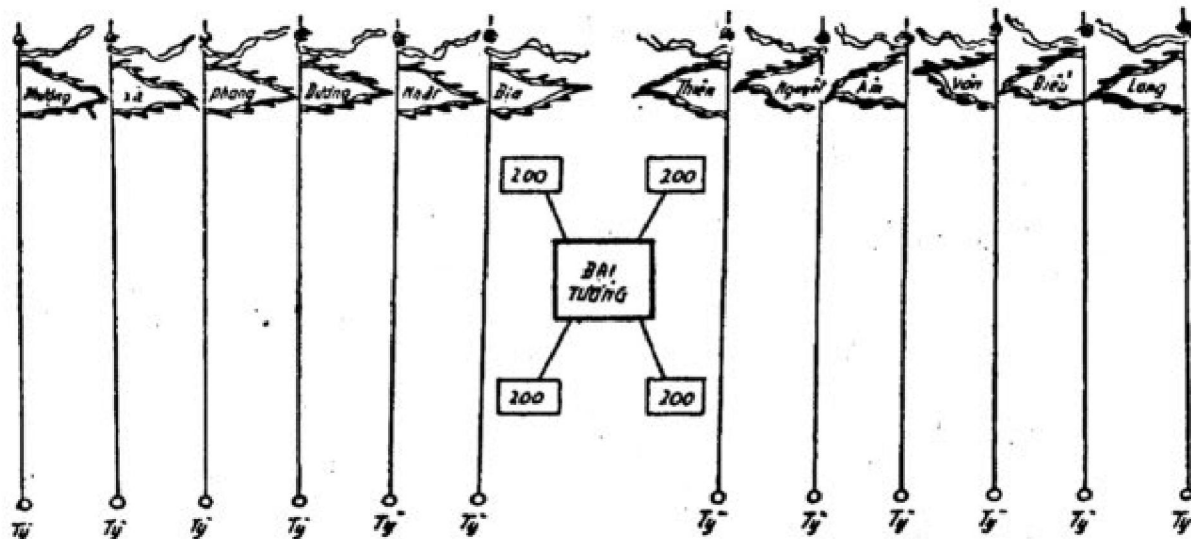
Là hạm thuyền lớn chỉ huy, với cột cờ soái và nhiều cờ xí, xung phong chiến đấu, dẫn đầu đoàn chiến thuyền

(theo vndefence.info)

E. Binh pháp:**I. Trận pháp:**

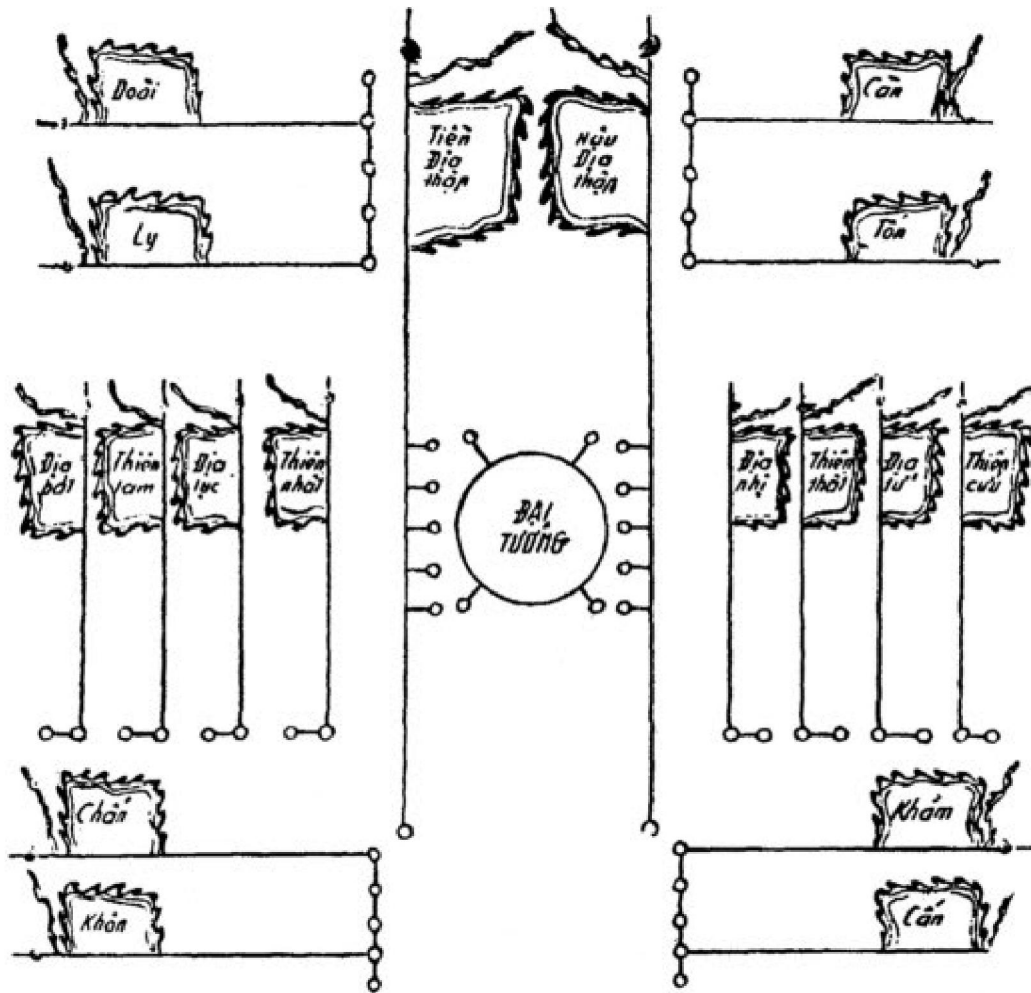
Quân đội Đại Việt cũng có khả năng sử dụng trận pháp thuần thục. Sau đây tôi chỉ giới thiệu qua sơ lược. Về trận pháp có thể đọc thêm ở Hồ trướng khu cơ và Binh thư yếu lược.

Trận thứ nhất: Thái cực bao hàm.
Trận thứ hai: Thái tổ tam tài.
Trận thứ ba: Biến làm trận Thái thủy hồn nguyên

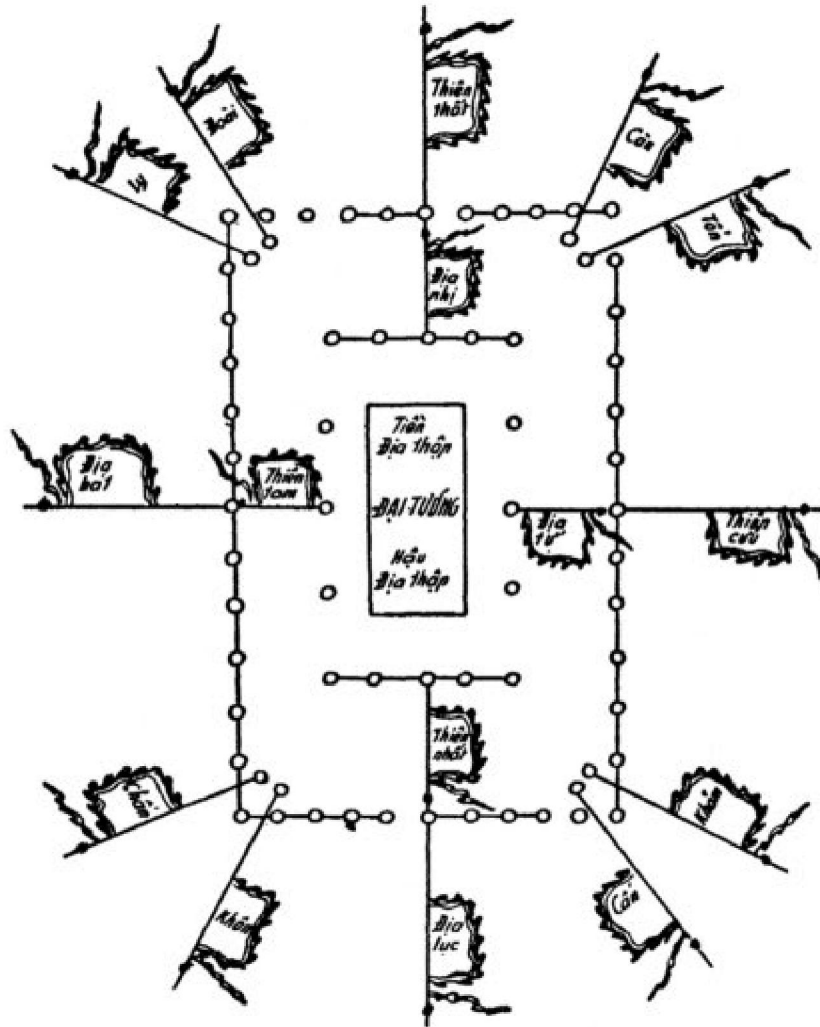


Hình 1-2. Trận thứ nhất và trận thứ hai: Thái cực bao hàm và Thái tổ tam tài.

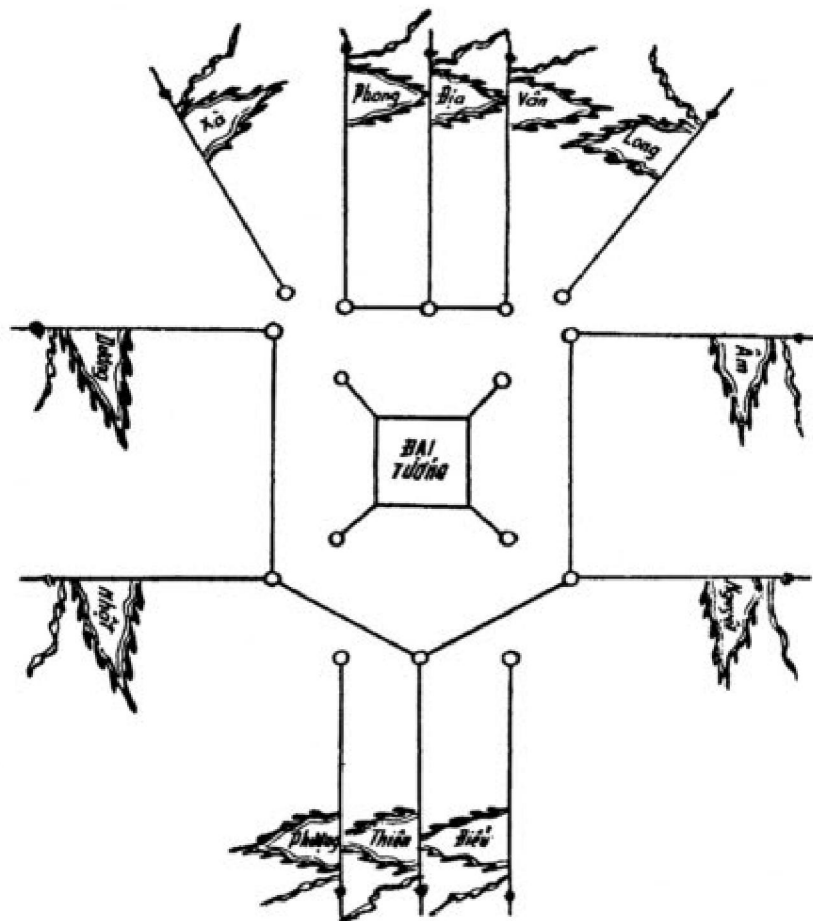
Trận Tiên thiên Hà đồ đất hẹp nhất biến.
Trận Tiên thiên Hà đồ đất rộng nhị biến.



Hình 4. Trận Tiên thiên Hà đồ đất hẹp nhất biến.

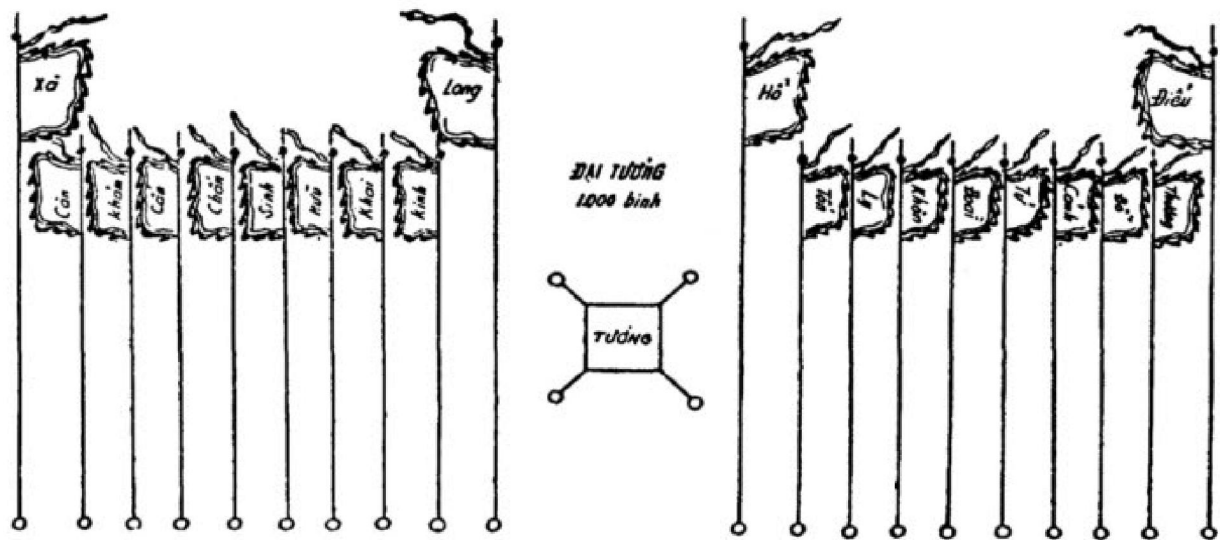


Hình 5. Trận Tiên thiên Hà đồ đất rộng nhị biên.

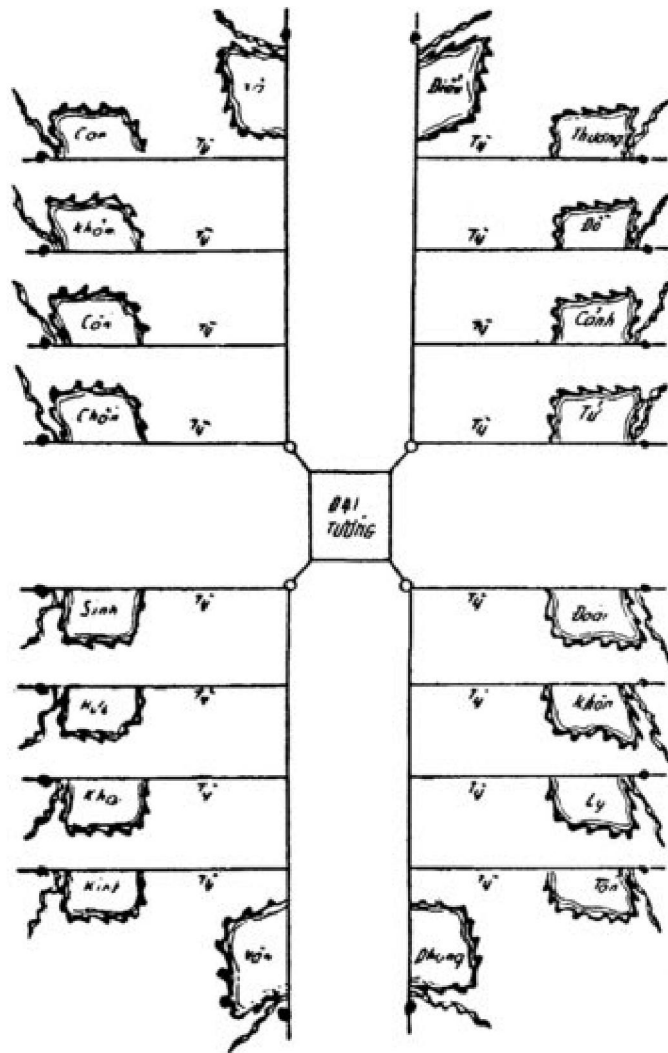


Hình 3. Trận thứ ba: Biển làm trận Thái thủy hồn nguyên.

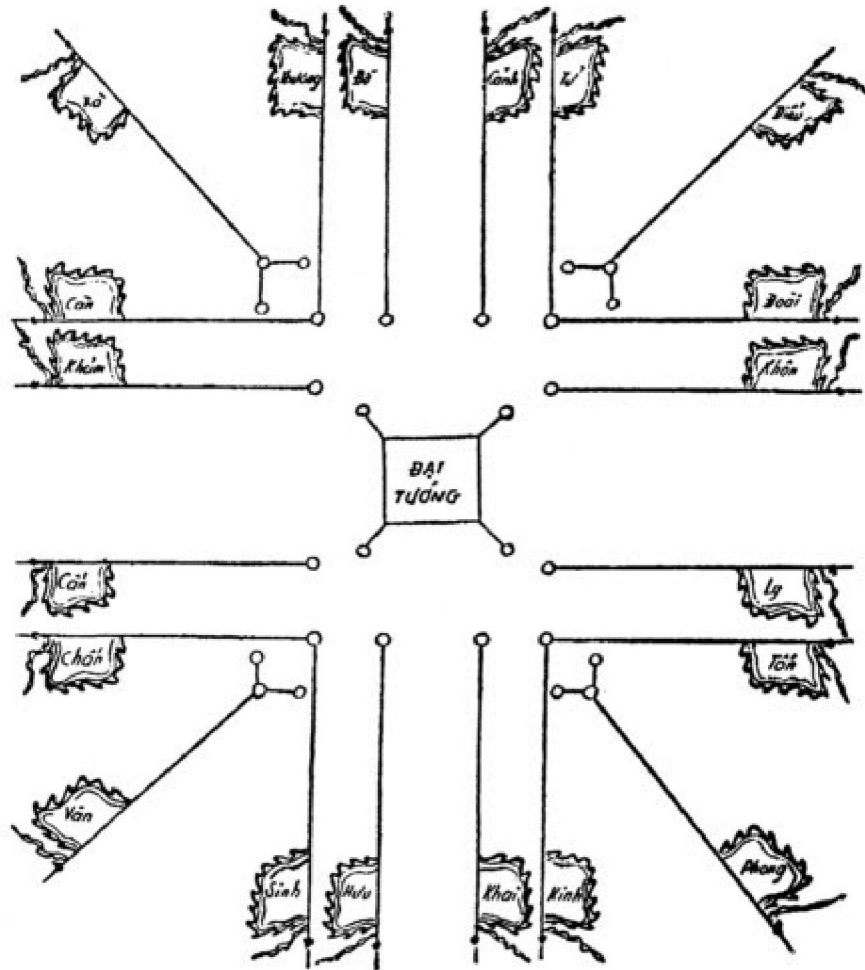
Trận chính Bát môn kim tỏa
Trận Bát môn kim tỏa nhị biển
Trận Bát môn kim tỏa tam biển
Trận Bát môn kim tỏa tứ biển



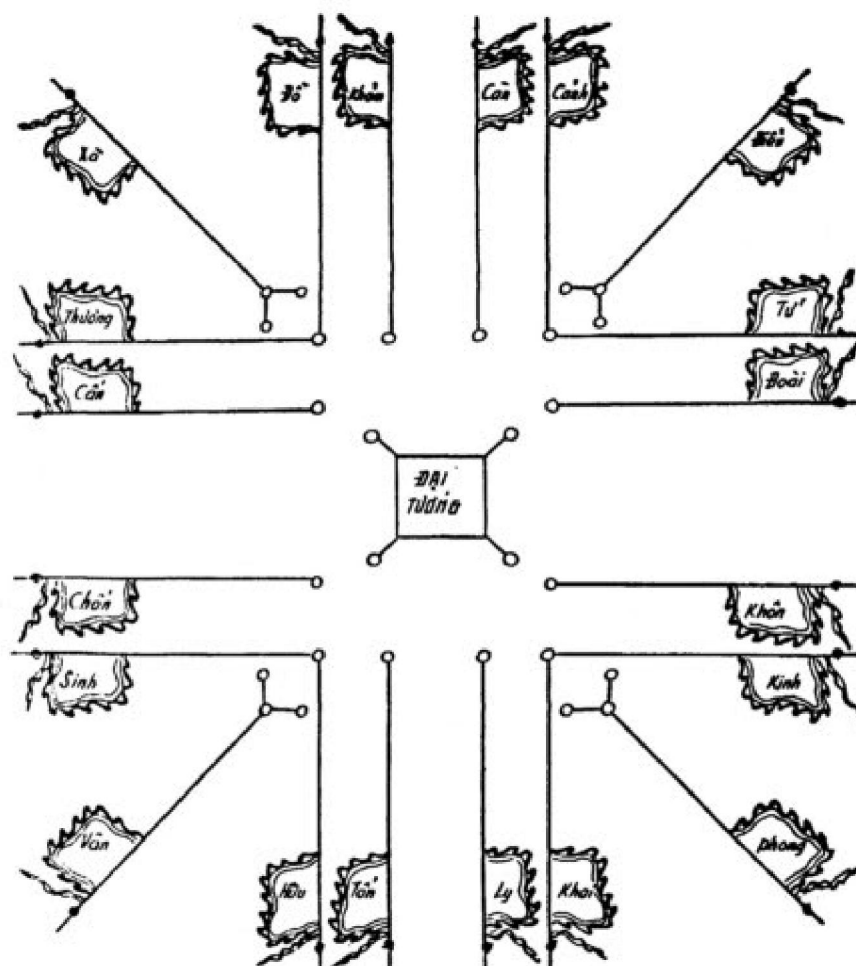
Hình 6. Trận chính Bát môn kim tọa.



Hình 7. Trận Bát môn kim tỏa nhị biến.

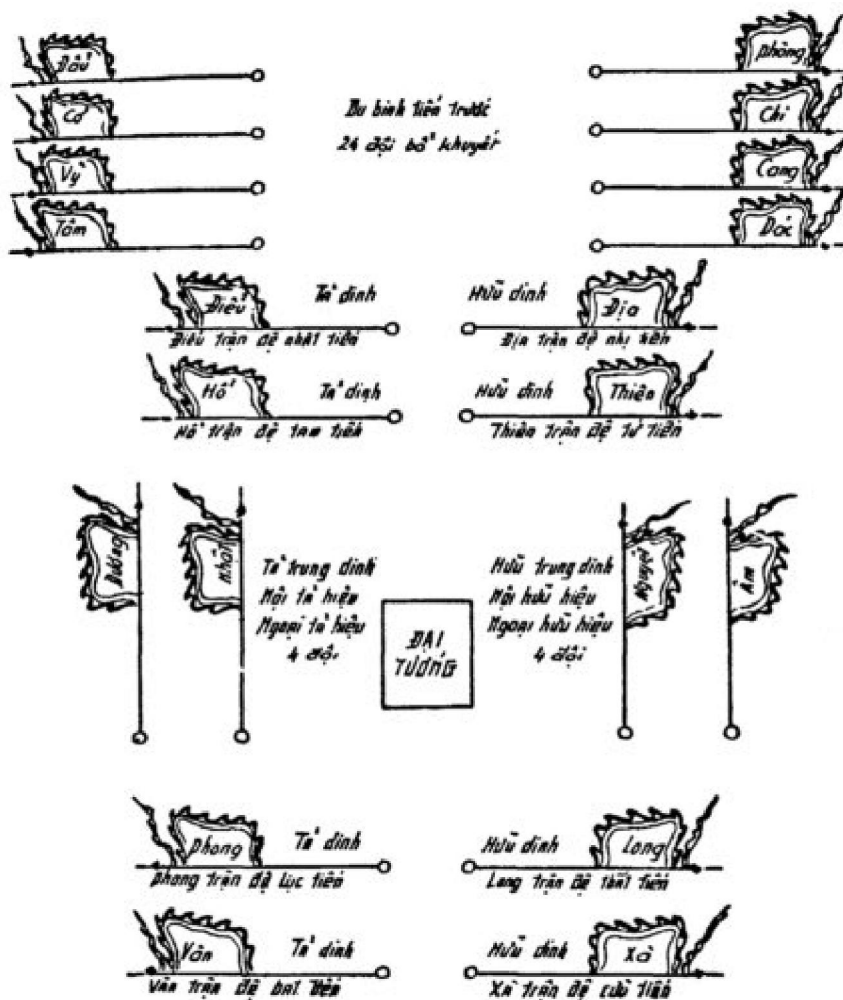


Hình 8. Trận Bát môn kim tỏa tam biến.

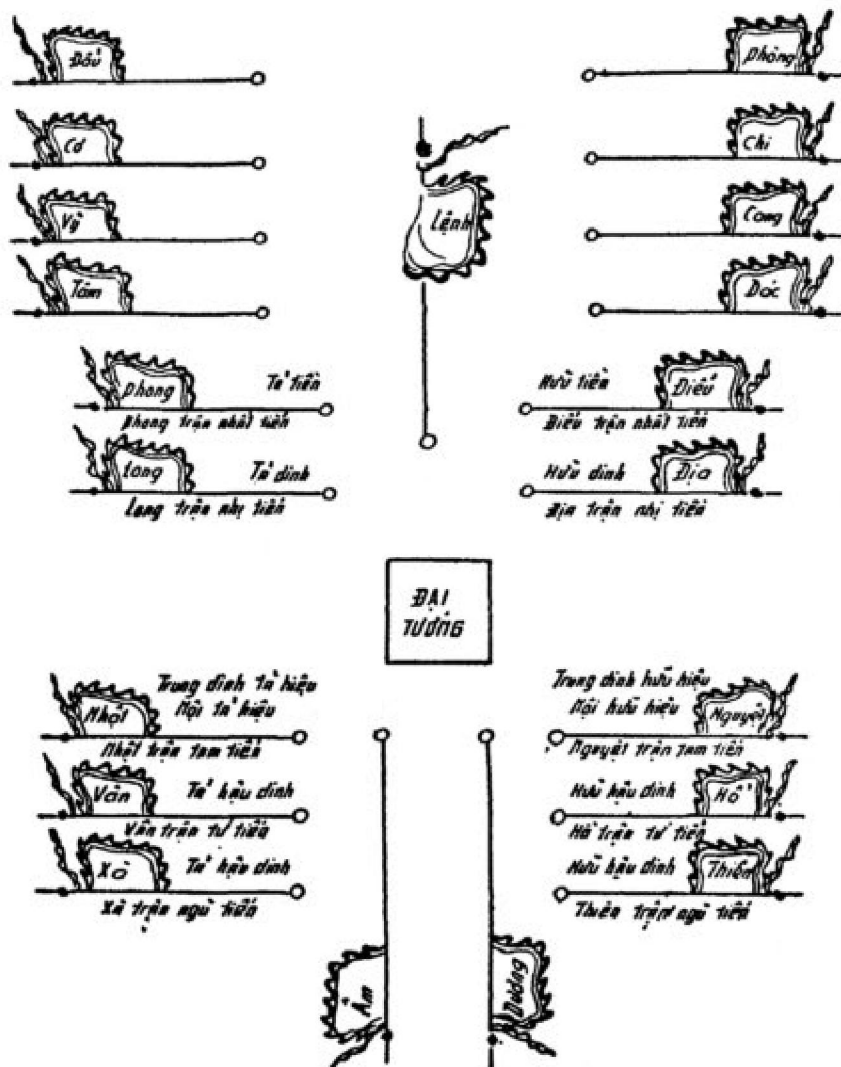


Hình 9. Trận Bát môn kim tỏa tứ biến.

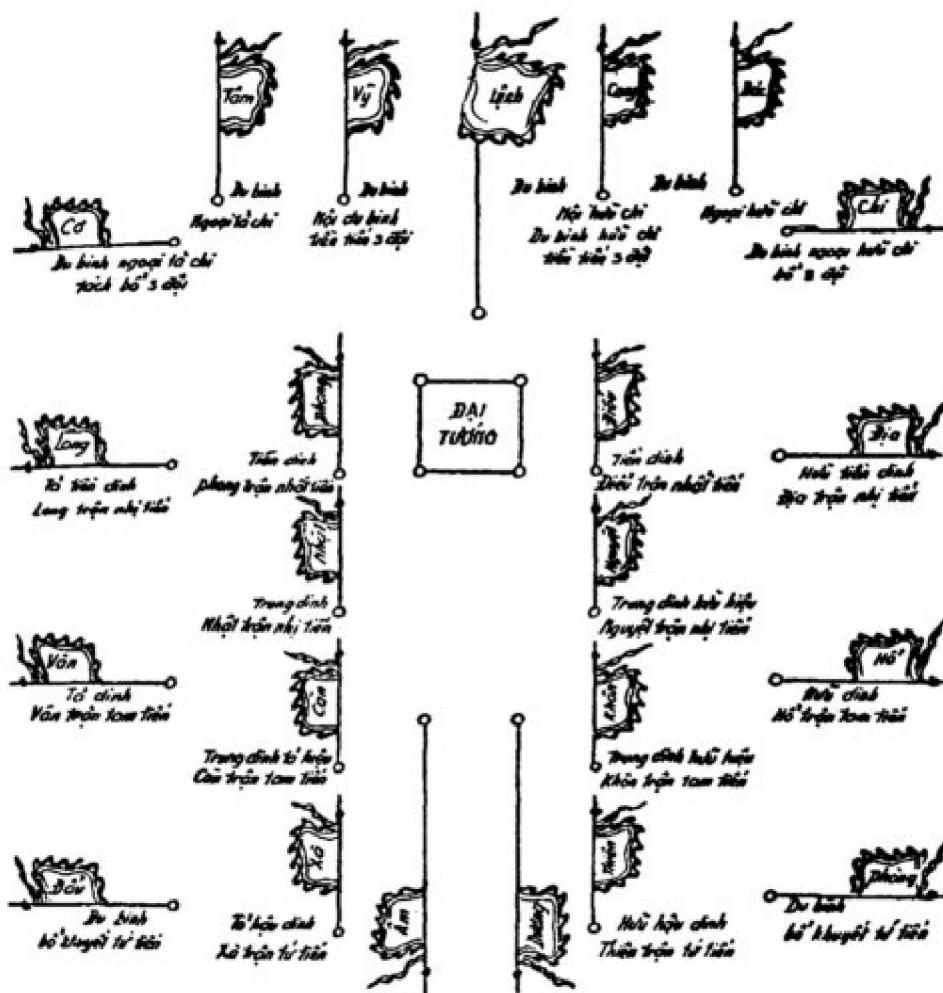
- Trận Tiểu chu thiên thứ nhất: Thái cực hồn thiên.**
- Trận Tiểu chu thiên nhị biến: Lưỡng nghi phân khai.**
- Trận Tiểu chu thiên tam biến: Tứ tượng đối xung.**
- Trận Tiểu chu thiên tứ biến: Trận vuông.**
- Trận Tiểu chu thiên ngũ biến: Trận tròn.**
- Trận Tiểu chu thiên lục biến: Trận cong.**
- Trận Tiểu chu thiên thất biến: Trận thẳng.**
- Trận Tiểu chu thiên bát biến: Trận nhọn.**
- Trận Tiểu chu thiên cửu biến: Trường xà đảo quyền.**
- Trận Tiểu chu thiên thập biến: Trường xà liên châu.**



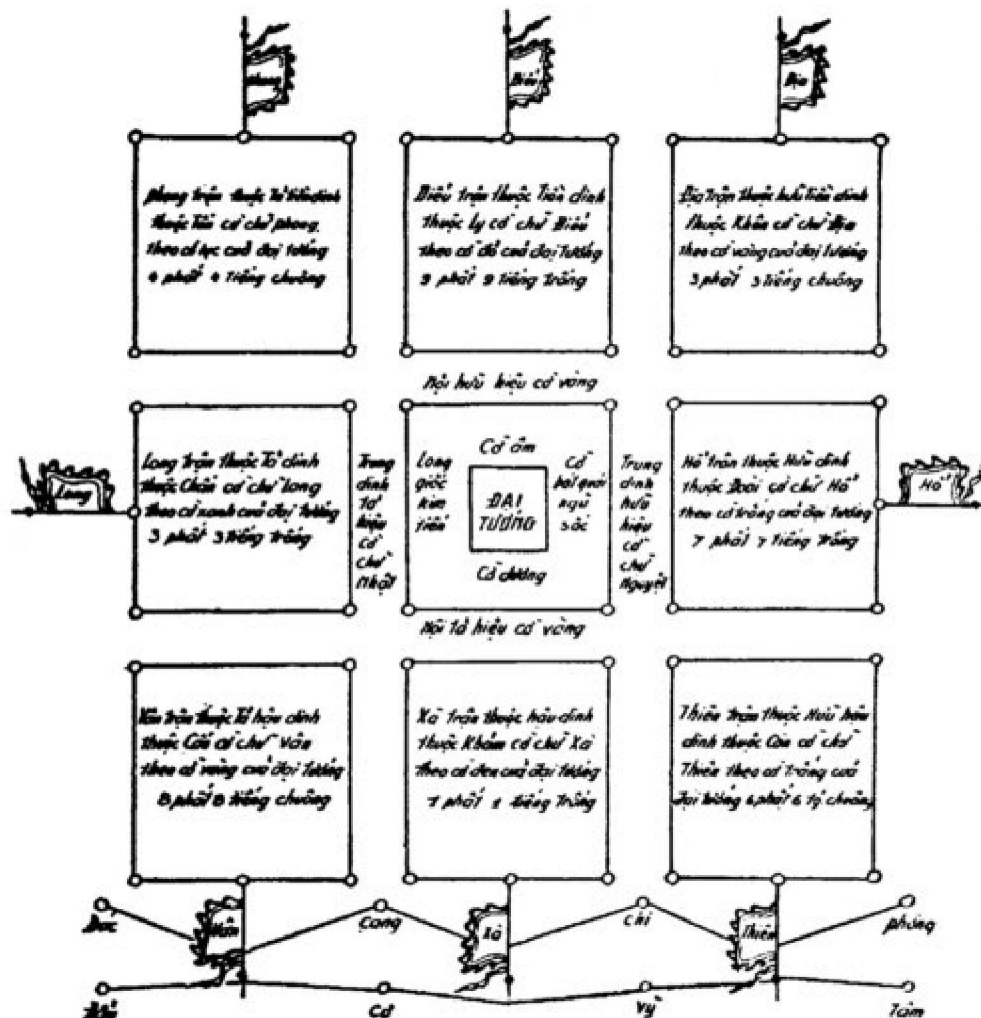
Hình 10. Trận Tiểu chu thiên thứ nhất: Thái cực hồn nguyên.



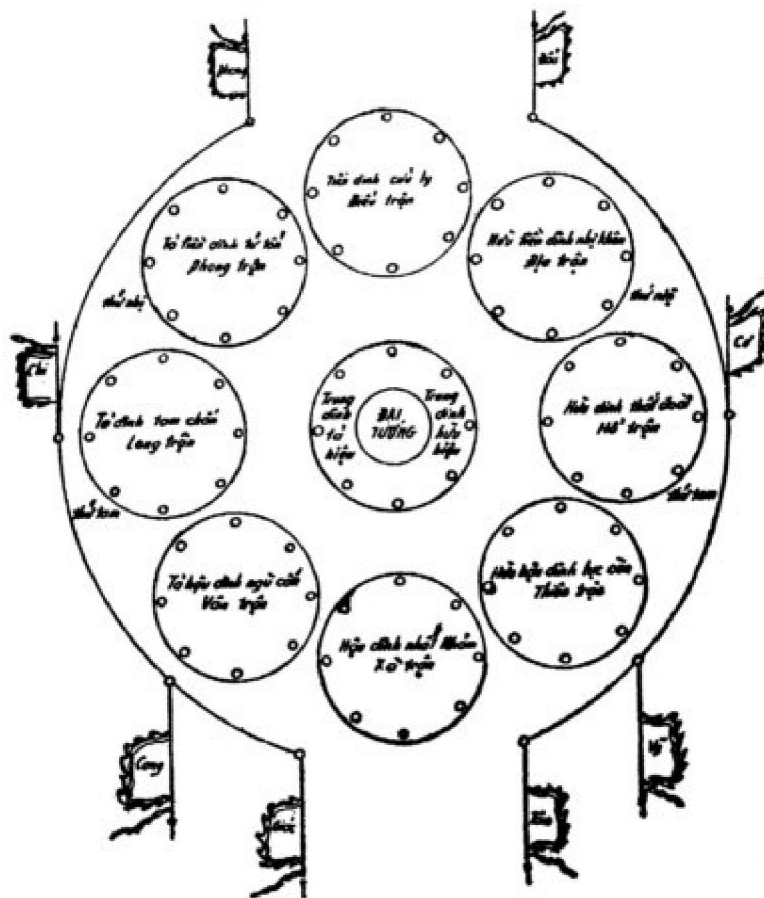
Hình 11. Trận nhị biến: Luống nghi phân khai.



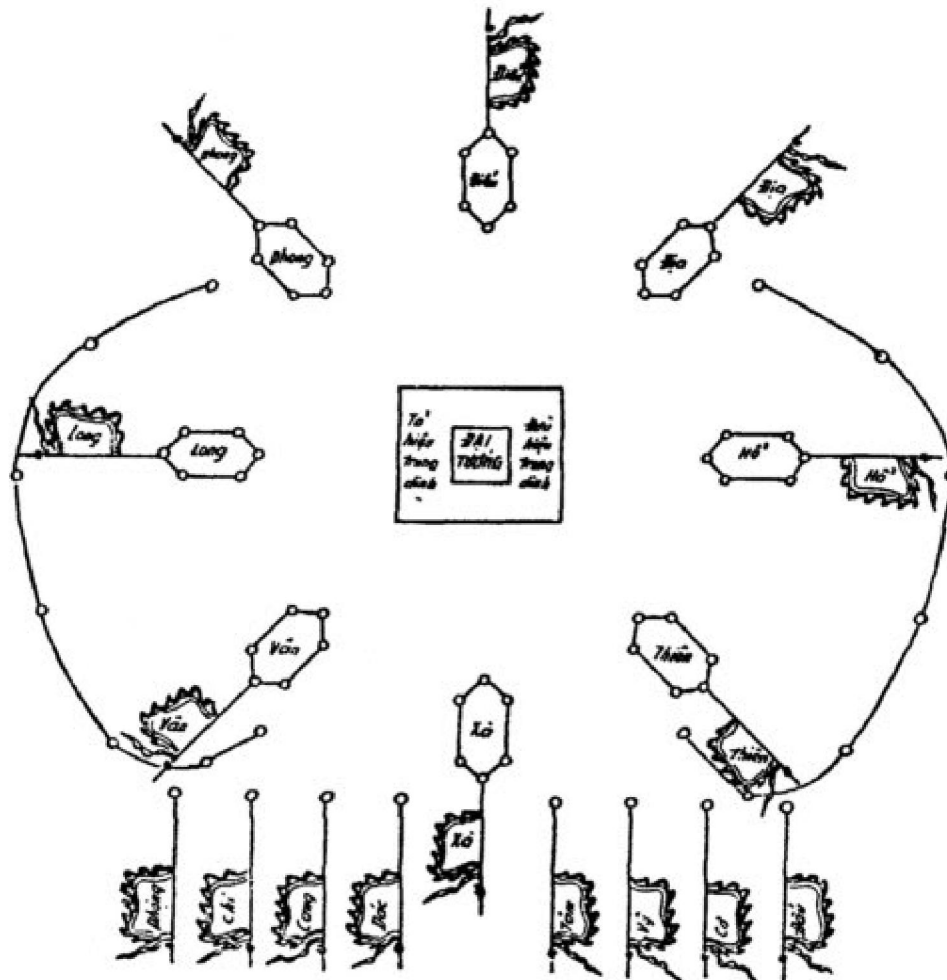
Hình 12. Trận tam biến: Tứ tượng đối xung.



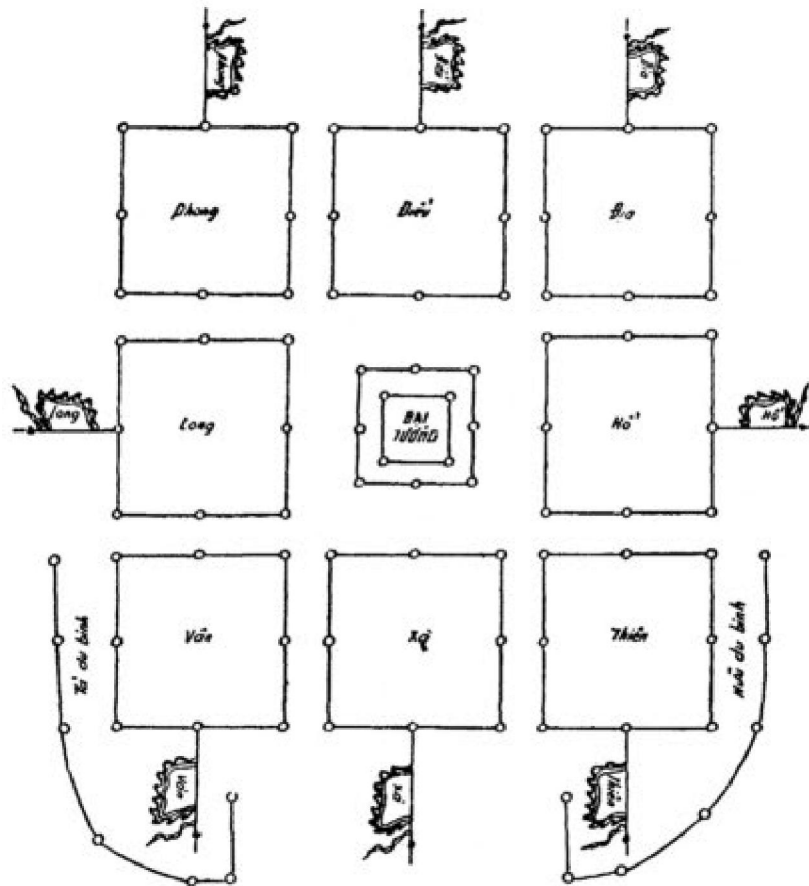
Hình 13. Tiêu chu thiên đệ tứ biến: trận vuông.



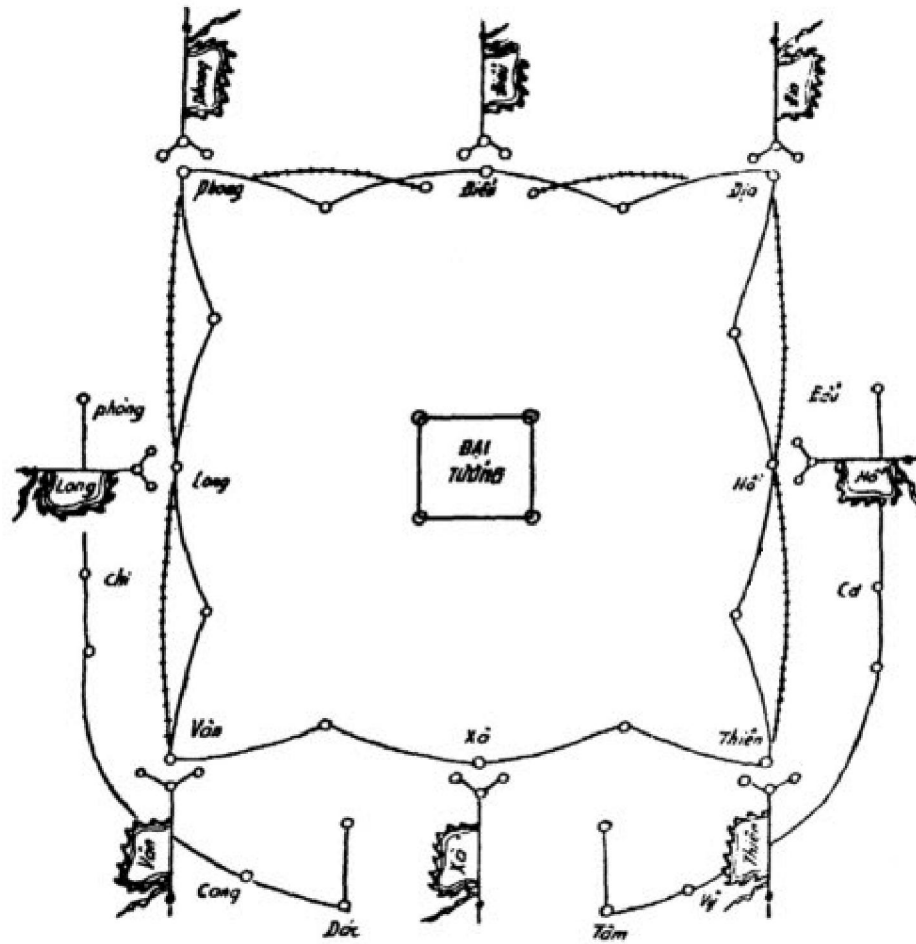
Hình 14. Tiểu chu thiên độ ngũ biến: trận tròn.



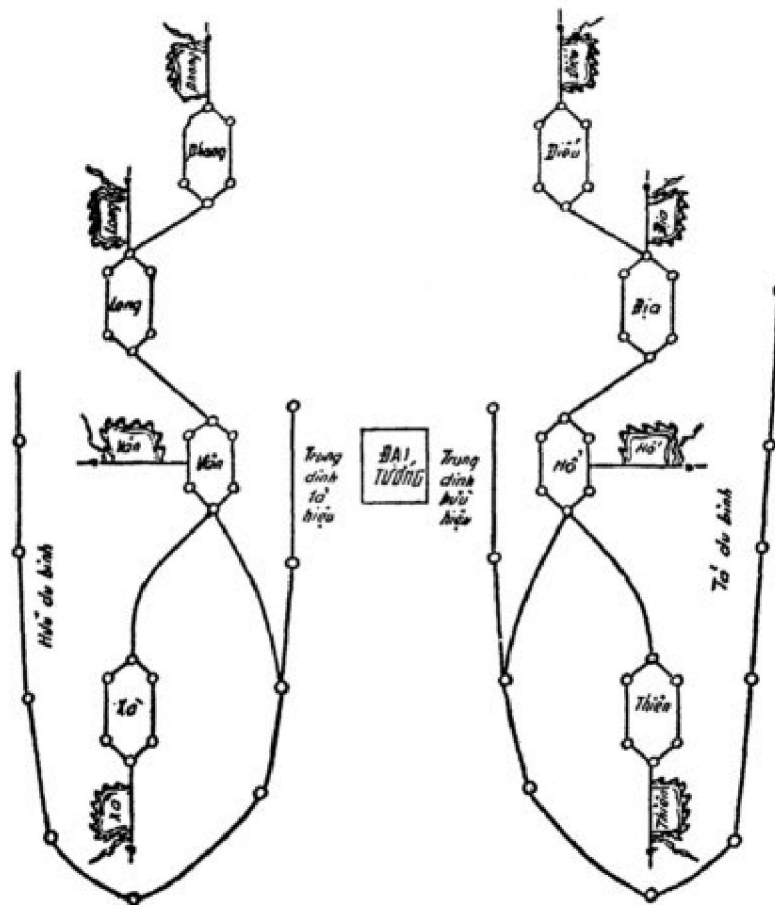
Hình 15. Tiểu chu thiên đệ lục biến: trận công.



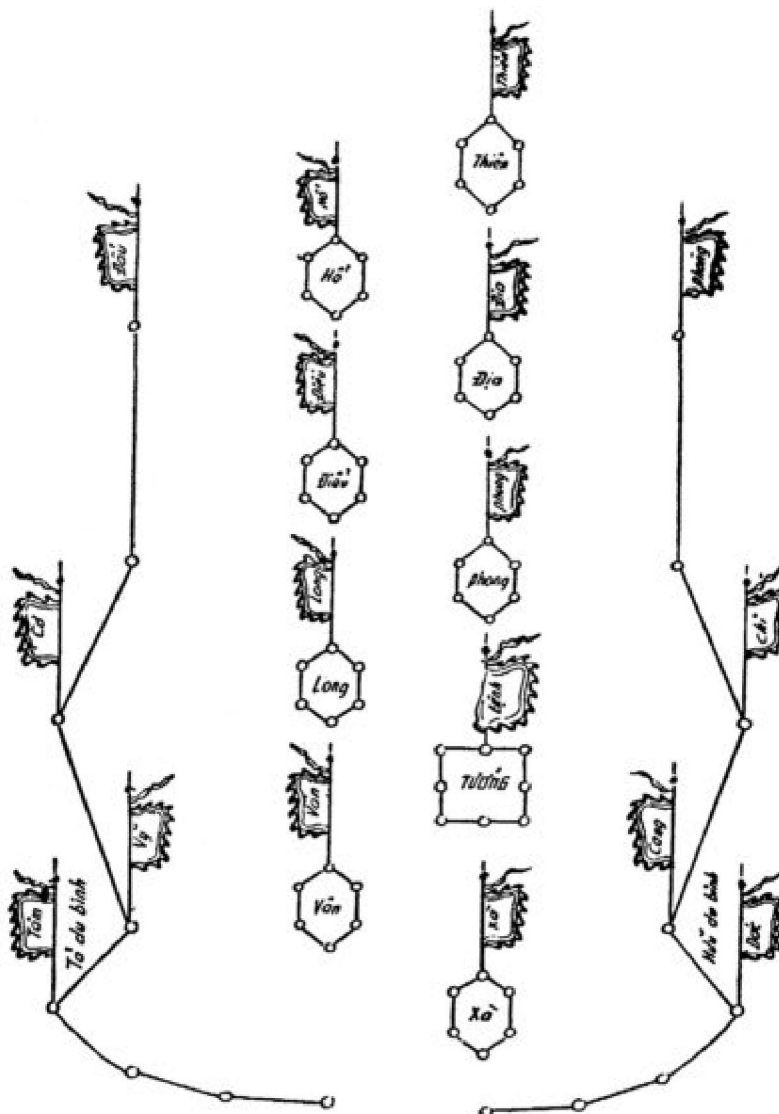
Hình 16. Tiêu chu tiêu đệ thất biến: trận thẳng.



Hình 17. Tiểu chu thiên đệ bát biến: trận nhon.



Hình 18. Tiêu chu thiên đệ cửu biên: Trường xà đảo quyền.



Hình 19. Tiểu chu thiên đệ thập biến: Trường xà liên châu.

II. Cơ yếu binh pháp

Toàn bộ phần này trích trong Hồ trướng khu cơ.

1. THIÊN HỎA CÔNG

PHÉP ĐIỀU LỬA ĐÓT GIẶC.

Phàm có gió thì nên dùng hỏa công, đó là phép thường. Nếu trại giặc rất xa mà canh giữ nghiêm ngặt, thì dẫu có gió lớn, lửa cũng không do đâu mà dùng được. Nên làm phép điều giấy để đốt thì giặc dù có cánh bay được trong phút chốc cũng hóa ra tro hết.

Phép làm: Trước hết lấy nan tre làm cốt kết thành hình con diều, hai cánh ngang ra, đem cốt diều ấy ngâm nước hơn một tháng, phơi khô, lấy giấy mỏng tẩm dầu trám dán vào cốt tre làm lòng diều. Lại lấy 1 cân lưu hoàng, 1 lạng diêm tiêu nấu cho tan ra đem vải mỏng mà tẩm rồi phơi khô, bôi vào ngoài cốt tre ấy làm da diều. Lại lấy một cân cỏ bắc đèn cũng tẩm nước ấy để làm đuôi diều. Xong rồi, lại lấy 1 sợi dây gai dài độ 100 bước, hoặc hai ba trăm bước, buộc vào lưng diều làm lèo và dây thả diều. Lại lấy một sợi dây giấy làm ngòi thuốc dài bằng dây gai buộc vào sau đuôi diều, còn thừa thì quấn vào dây diều. Nhân có gió thì thả diều lên, xem chừng hễ diều đến gần dinh trại giặc thì lấy lửa đốt vào đầu dây ngòi thuốc, lửa bén theo lên diều và cháy đứt dây, diều rơi xuống. Nếu dây diều chưa đứt thì lấy dao mà cắt khiến diều rơi xuống đốt cháy trại giặc.

PHÉP CHÔN HỎA THƯƠNG DƯỚI ĐẤT.

Phạm trí tướng dùng binh, hoặc dụ giặc vào chỗ sông hồ, bày mưu mà đánh, giả cách thua chạy, đặt súng ở dưới đất để đánh bại giặc.

Phép này, dùng tre núi hoặc 100 cái, hoặc 200 cái, mỗi cái dài hơn 5 thước, miệng to 2 tấc, ba đốt trên đục thùng lỗ to, đoạn dưới để mắt, nhồi thuốc phun đầy 2 thước rưỡi, còn nửa thước ở trên lại nhồi thuốc súng. Như thế xong, bèn dùng ống nhỏ, ống ấy vừa bằng ruột ống tre, dài 3 tấc, cắm vào đầu thương làm miệng. Trên miệng lấy giấy Vĩnh-thọ cắt ra thành mảnh nhỏ rồi lấy hồ dán miệng ấy rất kín. Bên đầu thương lại đục một lỗ nhỏ để làm chỗ dẫn lửa. Ống thương nên lấy dây mây mà quấn, lại lấy dây sắt mà bọc. Lại lấy gỗ nhỏ 2 cây, mỗi cây dài 1 thước rưỡi, đục làm giá chữ thập, cốt để khi chôn xuống đất thì ống thương không bật đổ. Các việc xong cả, bèn khai rãnh chữ bát, đem những ống hỏa thương ấy đặt xuống rãnh, cách nhau hơn 3 thước, miệng thương để lòi ra 1 tấc, còn thì chôn sâu dưới đất. Bấy giờ đến chỗ giáp rãnh chữ bát đào một hốc sâu 4, 5 thước, đặt đá lửa và dao sắt, làm máy như cách đặt địa lôi. Bèn đặt ngòi dẫn lửa tự máy đá liền đến chỗ lỗ ngòi của các hỏa thương. Xong đầu vào đầy rồi, lại lấy cát cỏ phủ lên cho bằng, dùng để hở cho người biết. Rồi ta đến dinh giặc khiêu chiến, ta giả cách thua chạy, cứ nhắm chỗ ấy mà chạy. Giặc không ngờ, chạy xéo vào máy đá thì dao và đá cọ xát nhau mà nảy lửa, lửa cháy vào ngòi thông đến các ống hỏa thương hai bên thì các hỏa khí nổ bùng lên. Giặc dẫu đông trăm vạn cũng đến chết cháy trong đám lửa hùng ấy.

Bài thuốc phun:

Diêm tiêu 2 lạng, Lưu hoàng 6 cân,

*Than thông 5 cân, Nhọ nôi 5 cân,
Thiết phấn 3 cân 5 đồng, Yên phấn 3 cân 5 phân,
Long não 3 phân.*

Bài thuốc súng:

*Diêm tiêu 1 lạng, Lưu hoàng 3 phân 5 ly,
Than xoan 3 phân 5 ly.*

PHÉP ĐỐT ĐUỐC TRƯỚC GIÓ.

Phàm đánh trận ban đêm phải có đèn đuốc. Nếu gặp lúc gió lớn mưa to thì làm thế nào mà đốt đuốc được? Cho nên tiên công làm phép đốt đuốc rất thần diệu. Phàm đánh trận ban đêm dẫu gặp gió bão mưa trút cũng vẫn sáng trưng, không lo tắt nữa.

Bài làm thuốc thần:

*Sơn khô 2 lạng, sao qua,
Lưu hoàng 2 lạng,
Lịch thanh, tức nhựa trám 2 lạng,
Sáp ong 2 lạng,
Diêm tiêu 2 lạng,
Bột đậu đen 2 lạng.*

Các vị trên tán nhỏ ra, trước đem nhựa trám nấu chảy ra cho các vị thuốc vào, lấy vải nặn thành thoi dài để vào trong ống tre, đốt ở trước gió không tắt.

Kiểm-trai nói: Cách làm đèn phi thiên ngày nay cũng vẫn nên cùng dùng với đuốc này.

PHÉP LÀM ĐÈN PHI THIÊN.

Lấy giấy trắng làm lòng đèn hình như cái gàu múc nước, cao 2 thước, trên nhọn mà kín, dưới tròn mà rộng, bề ngang hơn 1 thước, dưới đáy có vòng tròn bằng tre; lấy dây sắt buộc như chữ thập, lấy một mớ bắc đèn tẩm dầu buộc vào chỗ dây sắt chữ thập mà đốt thì lửa đèn sinh ra gió đèn bay lên trời, theo chiều gió mà đi, sáng khắp cả bốn bề. Làm nhiều đèn ấy đốt thả lên càng tốt. Khôn khéo biết là đường nào!

2. THIÊN THỦY CHIẾN

PHÉP LẤY NƯỚC NGỌT TRONG BIỂN.

Phàm trí tướng dùng binh, trong lúc thủy chiến thống suất hàng nghìn chiến hạm, muôn đội hùng binh, vượt biển mà đánh giặc, nhỡ ra trong quân thiếu nước ngọt thì làm thế nào? Cho nên có phép lấy nước ngọt trong biển:

Trước hết sai thợ mộc đóng một cái thùng to, cao độ 5 thước, bề to sao cho xúng, chu vi kiên cố, nước không rỉ được. Đục 5, 6 lỗ nhỏ ở đáy thùng, lấy vải trắng lụa mới trải ở đáy thùng phía trên lỗ. Xong rồi mới ra bãi cát ven biển đào một hốc to, thấy nước trong chảy ra, uống thấy ngọt thì lấy cát chỗ ấy chứa vào trong thùng, chừa trên miệng thùng nửa thước. Lại làm một cái chậu gỗ cao ước 1 thước to bằng miệng cái thùng kia, đem chậu ấy để dưới thùng, rồi để cả vào trong thuyền. Đến khi qua biển, sai quân múc nước biển dội vào trong thùng gỗ lên trên cát; nên cho nước biển chảy dần dần xuống, chớ cho chảy mạnh, làm như cách lọc nước; như thế thì nước biển thấm xuống đáy thùng mà gạn vào chậu, tự mất vị mặn mà thành vị ngọt, không khác gì nước giếng, dùng để giải khát cho ba quân, lo gì trong biển không có nước uống!

PHÉP PHÁ XÍCH SẮT.

Khi chiến thuyền ta vào giang phận của giặc, bỗng gặp giặc dùng dây sắt chắn sông thì làm thế nào? Người làm tướng ngày thường nên sai thợ sắt đúc một cái thiết đề, miệng ngang rộng 2 thước, cán gỗ dài 3 thước, để ở trong chiến hạm. Khi gặp có xích sắt chắn sông thì lấy ba vị là diêm tiêu, lưu hoàng, nao sa cùng với than gỗ phóng vào trong thiết đề, thổi lửa nấu cho đỏ rực lên, đem đến chỗ xích sắt mà đốt, chốc lát xích sắt đỏ ra thì lấy búa lớn mà chặt, xích sắt phải gãy, thuyền ta thẳng tới như đi trên đất bằng, không ai ngăn được. Đây là nghĩa hỏa khắc kim, trí tướng nên biết trước điều ấy.

PHÉP ĐẶT TÊN NGÀM DƯỚI NƯỚC.

Dùng cần tre cứng 100 cái hay 50 cái, mỗi cần dùng một ống tre dài 1 thước 5 tấc, trên có lỗ thông, dưới để mắt, dưới mắt để giống thừa, đục một lỗ chênh chếch cắm đầu cần vào. Xong rồi, do lỗ thông ở đầu mỗi ống đều nạp tên thuốc độc cho đầy ống. Bao nhiêu cần tre đều làm như thế. Khi gần đánh nhau xét trước cửa sông chỗ nào là đường thuyền giặc đi qua thì đem

cần cắm xuống nước hai bên cửa sông. Mỗi đầu cần buộc một sợi dây gai, đuôi dây các cần buộc túm lại làm một nắm dây to, đầu nắm dây to ấy buộc ngang vào một cái gỗ dài 4, 5 tấc như hình chân gà, rồi đem nắm dây to ấy kéo ghì vào sau bờ sông, như thế thì các cần tre đều cong lên như hình cung mà các tên thì hướng trở lên. Hai bên đều thế. Lại đo chính giữa cần tre ở phía ngoài cắm một cái cột ngắn ngậm dưới nước, đầu cột ấy làm cho bằng, kéo đầu nắm dây to chân gà để lên trên đầu cột ấy, lấy hòn đá lớn mà chặn, liệu chừng cho các cần tre đều cong thì tốt. Hai bên tả hữu đều thế. Lại lấy một sợi gai buộc một hòn đá lớn ở bên tả, buộc liền với một hòn ở bên hữu mà chắn ngang lòng sông, chính giữa dây gai chắn ngang ấy lại buộc một cái neo đá với những ống phao nhỏ, liệu chừng cho lênh bênh theo sóng, nửa chìm nửa nổi thì tốt. Nếu thuyền giặc chọt đến, theo dòng nước tiến thẳng vào sông, thì mái chèo động vào dây chắn ngang sông, máy đá hai bên rơi xuống thì dây chân gà tuột ra, các cần tre đều bật lên mà tên ở các ống đều bắn theo nhau về một hướng.

PHÉP ĐÓNG CỌC LÒNG SÔNG.

Kiểm-trai xét: Đời chúa Nguyễn dùng cách này của Lộc-khe bắt được quân của tướng Trịnh là Gia quận công.

Cơ giữ nước tắt lấy sông lớn làm hiểm. Song có sông lớn mà không chuẩn bị thì giữ thế nào? Cho nên đóng cọc lòng sông để ngăn bắt thuyền giặc, công hiệu gấp mười xích sắt chắn sông.

Nên sai ba quân chuẩn bị cột gỗ độ 200 cái cũng được, đem đến cửa sông cắm xuống nước, xa gần so le, dài ngắn không đều, hình như răng chó cài nhau, để ngậm dưới mặt nước không cho lộ thấy. Thuyền giặc tiến đến thì tắt bị cọc gỗ ngăn trở, dù thuyền nhẹ buồm gió tốt, ra sức mà chèo, cũng không đi được một bước.

PHÉP DÙNG CHUM TRE CHO QUÂN SANG SÔNG

Khi trí tướng đem quân đi ngầm đánh úp quân giặc, nếu gặp sông hồ ngăn trở, lại không có thuyền ghe thì làm thế nào? Vẫn phải làm những cái chum bụng to miệng nhỏ, lấy nan tre vót mỏng đan thành hình chum và lại lấy vải gai tẩm dầu cùng giấy dầu và sơn bôi ngoài chum, đứt nút miệng chum lại, rồi dùng ống tre khô buộc kèm vào hai bên chum, lâm thời thì thả

xuống sông, hai nách cấp mà bơi, ba quân có thể qua sông được, còn sợ gì nữa.

CÁCH LẤY NƯỚC LÊN NÚI.

Phàm nước chảy xuống chỗ thấp là lẽ thường, nhưng đập cho nó bắn lên thì có thể qua đầu, lấp để tức nó thì có thể lên núi. Cho nên người trí có thể làm trái cơ của tạo hóa, làm ngược tính của ngũ hành, đều có phép diệu. Ví như quân đóng ở gò cao, nước ở ngòi sâu, hay là rút quân đóng đồn ở ruộng cao, mà nước thì ở dưới thấp, thế thì dùng ống tre mà hút nước, nước tự tung lên.

Cách làm: Lấy tre làm ống dài 30 thước, hoặc 50 thước, đục bỏ các mắt đi, lại làm ống ngắn bằng nửa ống dài. Chỗ đầu hai ống giáp nhau thì cưa chéo đi. Lại đục cho hai ống ngắn cắm vào đầu ống hợp vào như hình chữ bát. Lại lấy vải tẩm nhựa trám bít vào mười lần cho kín. Sau làm một cái thùng to, vuông hay tròn cũng được, giữa đáy thùng dùi một lỗ, đem ống dài cắm vào lỗ ấy cho vào trong thùng độ 2 thước, lại lấy vải tẩm nhựa trám bít cho kín để đợi dùng. Khi dùng thì lấy nút bịt kín miệng ống ngắn lại, sai người khỏe đem cái thùng ấy úp xuống đáy nước, lấy đá chặn lên không cho nghiêng lệch, rồi mới tháo bỏ cái nút ở đầu ống ra, nước tự nhiên vọt lên. (Lại có một bản chép rằng dùng nan tre đan thành một cái bình hình như quả bầu to, bôi bằng giấy dầu, dưới đáy chừa một lỗ lớn, đem ống tre dài luồn vào đáy chừng 2 thước, lấy vải nhựa trám mà bít cho kín để đợi dùng.).

PHÉP LÀM CẦU PHAO TRĂM CẤP.

Quân sâm nói: Gặp núi mở đường, gặp sông bắc cầu. Nếu qua sông không có cầu thì làm sao qua được. Cho nên dùng phép bắc cầu phao là diệu lắm.

Cách làm: Dùng ống tre đóng một cái khung hình vuông chữ nhật dài 8 trượng, ngang 5 thước, trong khung ấy cũng dùng ống tre xếp thẳng liền nhau, lại dùng then tre nhỏ xuyên ngang cho đầy khung, lấy dây mây buộc cho chắc chắn. Ở dưới khung, bên tả treo ba cái bong bóng to, bên hữu cũng treo ba cái bong bóng to. Hai bên đầu khung trừ ống tre chừng hơn 5 tấc, đục ngang một lỗ, tả hữu đối nhau, đấy là cấp thứ nhất. Cấp thứ hai thứ ba đến thứ một trăm cũng làm như thế. Lại đặt ống dư của cấp thứ hai giáp với ống dư của cấp thứ nhất, ống dư kia ở ngoài ống dư này, ống dư này ở trong

ống dư kia, lấy đanh sắt tròn to bằng ngón tay đóng suốt hai ống với nhau, chỗ đầu dư đục lỗ ngang làm chốt, lỗ tả xuyên sang hữu, lỗ hữu xuyên sang tả. Từ cấp thứ nhất đến cấp một trăm đều làm như thế. Lúc để ở quân dinh thì cấp thứ nhất để xuôi, cấp thứ hai lật ngược, cấp thứ ba lật xuôi cấp thứ tư lật ngược, một cấp xuôi một cấp ngược, cứ thế mà để. Đến lúc dùng thì theo thứ tự ấy mà bỏ xuống nước, trăm vạn quân cũng sang sông được cả.

PHÉP LÀM VOI VỚI NỒI SÓNG.

Phàm binh cơ có giấu có phục. Cho nên người trí tướng trong khi thủy chiến, làm phép voi với nồi sóng phá giặc dễ như trở bàn tay. Xét voi dầu không chế được nước, mà nước lại khắc voi, cổ nhân làm trận voi với là bởi cơ ấy. Trận voi như trận nhạn, hình chữ nhất. Voi thì đàn bằng trúc, vòi ngẩng trở lên. Lại lấy vải tấm nhựa trám cùng giấy dầu sơn khô bôi vào thân voi 7, 8 lần, rất kỹ. Rồi lấy 1.000 cân voi tán làm bột, nạo vào bụng voi, vòi và cổ làm nút nút lại. Chân voi thì buộc đá to vào. Xong rồi buộc hai voi làm một, hoặc 30 voi, hoặc 50 voi để đợi khi dùng. Phàm thấy giặc đem thủy binh đến xâm lược ta, ta lập tức đem voi với đặt ở trên bè, trên thuyền, dựng cờ như giặc, trong cờ có viết lời phản gián. Xong rồi ta đánh nhau với giặc. Giặc thấy cờ có lời phản gián, tranh đến cướp lấy. Ta sai ngay quân đùn những voi với ấy xuống nước, tháo bỏ cái nút ở vòi voi ra, nước vào bụng voi, vòi và nước khắc nhau hóa làm sóng dữ, hơi độc xông lên, giặc hoảng hốt rối loạn, quân ta thừa thế đánh ngay, tất là phá tan được giặc.

PHÉP ĐẶT THỦY LÔI DƯỚI NƯỚC.

Phàm trí tướng dùng binh, phép phục địa lôi đã có, còn thuật phục thủy lôi dưới nước thì chưa thấy có. Cho nên đặt ra phép này, hoặc dụ giặc vào chỗ biển hồ sông ngòi hiểm trở mà đánh, há chẳng thành công hay sao?

Phép làm: Trước hết sai thợ mộc làm hai cái hòm gỗ, mỗi cái cao 5 thước, dài 6 thước, ngang 1 thước 5 tấc, chia làm năm tầng, rồi hợp lại làm một càng tốt. Tầng trên dùng dùi thau nhỏ và mảnh tre rắn làm máy phát động, trên máy ấy treo dao sắt như hình lá vải, dưới máy để đá lửa cùng thuốc súng, ngòi và các thứ để đốt. Tầng thứ hai để 12 súng gang, mỗi khẩu dài 5 tấc, hình như ống tre; đều bằng gang mỏng. Lại làm nút sắt 5 phân vắn tròn ốc. Khi lòng súng đã nhồi thuốc xong rồi, lấy nút sắt lấp kín cho kín miệng súng lại. Lại xuyên lỗ nhỏ để đặt ngòi. Làm thế xong rồi, bèn đặt ngang ở tầng thứ hai. Rồi lại nhồi thuốc súng vào khoảng các súng để tiện cho ngòi thuốc thẩu vào. Đến tầng thứ ba cũng thế. Còn tầng thứ tư lại dùng

hai cái bầu gang, trong chứa thuốc súng như cách làm hỏa cầu, ngoài bầu lấy rom cùng nhựa trám bao lại, rồi lấy dây sắt mà buộc cho chặt. Đến tầng thứ năm thì chứa các thứ giấy bồi và bông để phòng hơi nước. Lại dùng dây thau, lấy dầu nấu cho rất mềm rồi đem buộc vào chính giữa máy. Lại xuyên lỗ nhỏ ở các tầng để luôn dây thau xuống dưới đáy hòm. Khi dùng hòm thì từ máy đá trở xuống xuyên liền cả bốn tầng để ngòi thuốc đi qua suốt cả. Làm như thế xong, dùng một cái ống nhỏ dài 2 tấc ngang 3 phân tiếp vào bên ngoài đáy hòm, khiến dây thau nhỏ qua ống ấy thò xuống, buộc một hòn sắt. Chỗ dưới ống ấy lấy vải sơn bọc lại cho kín. Lại lấy mỡ cá heo cùng mỡ rái cá bôi vào. Lại lấy đinh sắt to đóng móc cho các tầng giáp nhau. Lại dùng dây sắt vuông bốn sợi bao cả trên dưới hòm ấy; lại dùng dây mây mà quấn. Ngoài dây sắt và bì hòm đều sơn đen và bao bằng vải trắng cùng giấy Vĩnh-thọ phết nhựa trám, khiến nước không thấm vào được. Rồi sau lại dùng dây tạm làm đai hòm, buộc hòn sắt vào hòm cho khởi động dấy làm rơi máy đá. Đáy hòm lại buộc hai sợi dây gai to, đầu hai sợi lại hợp làm một để đợi dùng. Lại đeo bong bóng to ở bốn góc đáy hòm, liệu khi đặt trong nước thì nửa chìm nửa nổi là tốt. Làm như thế xong rồi, bèn đến cửa biển, cắm hai cột gỗ rắn làm chỗ cho hòm tựa, cách mặt nước một thước rưỡi, không cho hở ra. Bèn đem hòm ấy đặt xuống nước tựa vào hai cột. Lại cắm bốn cái cột gỗ ngắn để làm giá, rồi đem hòm để trên bốn cột ấy. Trước hòm cắm hai cây cứng, đầu có bánh xe như kiểu ròng rọc.

Ngoài cây ấy lại cắm một cái cột to ước thấp hơn cột có bánh xe 2 thước, đầu cột làm bằng, đặt một hòn đá to nặng độ nghìn trăm cân. Bèn lấy hai đầu dây hợp làm một ở đáy hòm đặt trên bánh xe và buộc vào hòn đá lớn làm máy. Hai bên bờ sông đều làm như thế. Rồi sau lấy dây gai nhỏ buộc bên tả bên hữu để chằng ngang qua sông và buộc vào máy đá. Làm như thế xong rồi mới cắt cái dây tạm làm đai hòm, từ từ thả những hòn sắt ra mà buông xuống đáy nước thì tự nhiên yên ổn, không sợ chạy chệch đi chỗ khác. Nếu thuyền giặc chợt đến, mái chèo động vào dây nhỏ chằng ngang sông, dây động thì hòn đá lớn lặn xuống, đá rơi xuống đáy nước thì các hòm thủy lôi nổi lên mặt nước, mà hòn sắt và dây thau chìm xuống, máy đá lửa ở trong hòm phát động thì ngòi thuốc cháy xuống các tầng, thế lửa bùng lên, sắt đá tung ra mà giặc bị cháy hết. Chính là "Muôn khoảnh thân long ngâm đáy nước, mấy đoàn quân giặc chết trong sông"

Lại dặn rằng: Hòm thủy lôi này các tầng dưới dùi lỗ nhỏ đặt dây thau, buộc hòn sắt, cùng là việc móc các tầng bằng đinh lớn và các việc khác làm xong rồi, mới làm máy đá ở tầng trên, nhất thiết không được lay

động, sợ máy đá rơi sớm thì tổn thương quân lính. Người trí tướng nên để ý làm cho cẩn thận, và đừng để tiết lộ phép diệu ấy.

Bài thuốc nạp súng nhỏ trong thủy lôi:

Diêm tiêu 10 lạng, Lưu hoàng 1 lạng 5 phân, Than dâu 5 đồng cân.

Bài thuốc nạp vào hai bầu trong thủy lôi:

Diêm tiêu 10 lạng, Lưu hoàng 5 đồng cân, Than đen 5 đồng cân, Đồng thanh 2 đồng 3 phân, Thạch châu sa 8 phân, Thạch tín 6 phân, Nao sa 8 phân.

Bài thuốc ngòi:

Diêm tiêu 6 lạng, Lưu hoàng 5 phân, Than dâu 1 đồng cân.

3. THIÊN BỘ CHIẾN

PHÉP THẦN CƠ ĐÁP LŨY TẠM.

Phàm người đánh giỏi động ở trên chín tầng trời, người giữ giỏi giấu ở dưới chín tầng đất. Nếu đến chỗ đồng rộng đường xa, vôi vàng chưa có thành lũy, thì giữ làm sao được? Chẳng gì bằng hãy làm lũy tạm mà thôi.

Cách làm: Bốn bề đều dùng gỗ to làm cột, cắm ở bên ngoài, mỗi cột cao hơn 10 thước, cách nhau 1 thước, lại đặt cây ngang ở khoảng giữa cho chắc, rồi dùng cây chuối đặt bên ngoài, lớp lớp nối nhau, san sát liền nhau, cao hơn 10 thước, dày hơn 1 thước rưỡi, như hình cái lũy. Lại lấy dây mây buộc lại cho chắc. Đó là lũy trong. Lại lấy sọt tre đựng đất xếp liền nhau cao bằng cây chuối để làm lũy giữa. Lại lấy gỗ dài nhon 10 cây xâu liền các cây chuối sát nhau như ngón tay, mỗi một cây chuối cao 11 thước 5 tấc, trừ 1 thước 5 tấc không kể, còn 10 thước thì mỗi thước xâu cây gỗ dài ấy làm như hình bức tường. Lại sai quân lính khai rãnh ở ngoài các sọt đất sâu 1 thước 5 tấc, rộng 1 thước, rồi đem những cây chuối ấy trồng xuống, như hình cái thành để làm lũy ngoài. Lại lấy đao gươm chông đan cắm lên trên cây chuối. Lại dùng súng gỗ, hỏa cầu, đặt liền ở trên lũy trong bằng sọt đất. Rồi mới sai quân lính cắt lượt tuần giữ để phòng hỏa chiến hỏa công. Lũy

tạm làm như thế, dầu giặc dùng súng lớn dây sắt đến đánh cũng không phá được.

PHÉP XE SÚNG BẮN LIỀN.

Tôi hỏi thầy rằng: “Phàm có thể lấy ít thắng nhiều, lấy yếu địch mạnh, lấy nhỏ chế lớn, mới gọi là đánh giỏi. Nếu đường chỗ đường dài nội rộng, chiến kỳ đã gần, mà giặc đem quân trăm vạn chập núi đầy nội kéo đến, ta thì quân ít thể yếu, vội vàng chưa có phòng bị và đặt phục dùng kỳ thì làm thế nào?” Thầy nói: “Phàm quân giặc tự xa xông pha gió sương mà đến, thể hẳn nhọc mệt. Ta đem ngay phép xe súng mà chế thì dễ như trở bàn tay, có sợ gì đâu”. - Tôi nói: “Xin được nghe đại lược phép ấy”. Thầy nói: “Xe ấy có sáu bánh, từ trước đến sau cộng 7 thước, ngang 10 thước, ở giữa lát ván, trước xe dựng vững 20 cái cột ngắn, mỗi cột cao 1 thước 5 tấc, làm hình chữ thập. Lại chia ngang một xe làm hai ngăn, mỗi ngăn mười cột, sau mỗi cột đặt một cái ghế cao 1 thước 3 tấc. Xong rồi sai thợ đục 2 hòm sắt, hình như cái quạt, mỗi hòm dày 3 phân, dài 4 thước, rộng 1 thước, chia làm hai phần nắp và đáy; trên nắp chính giữa đục một lỗ tròn to hơn 1 tấc, liệu sao tầng nắp trên đặt vào tầng đáy dưới mà giáp nhau chính giữa thì tốt. Một trước hòm ở giữa chỗ nắp đáy giáp nhau đục 10 lỗ vuông, mỗi lỗ 1 tấc 3 phân, liệu nửa lỗ ở phần nắp cùng nửa lỗ ở phần đáy hợp lại thành một lỗ thì khéo. Lại đục cho mỗi hòm 10 cái súng sắt vuông, mỗi súng dài 4 thước, to 1 tấc 2 phân, hình vuông lòng tròn. Trước mặt hòm, mỗi lỗ xỏ một súng thẳng đến mặt sau của hòm. Liệu đặt các súng ấy cho lỗ phát hỏa liền nhau một hàng mới được. Lại lấy sắt như đan nhét vào chỗ giữa súng nọ súng kia giáp nhau, khiến những miếng sắt cùng các súng bằng nhau thì tốt. Rồi sau đem hai hòm sắt ấy đặt lên trên hai ghế, mỗi súng gác miệng vào trên cột chữ thập. Nạp thuốc đạn, mỗi súng một liều thuốc 2 viên đạn sắt, nạp xong lại nhét thuốc súng vào chỗ lỗ phát hỏa của các súng. Đem hòm đáy kín lại, đẩy xe tiến thẳng đến trước mặt quân giặc, lấy dây lửa đốt ở lỗ trên nắp cháy thông vào trong lỗ, lỗ hỏa của súng cháy suốt vào trong lòng súng thì tự nhiên súng nổ tung đạn ra.

Xem cách làm xem này một xe 20 súng bắn, ở chỗ đồng rộng bất quá 10 xe thì dầu giặc có trăm vạn quân, bắn một phát cũng chết hết.

Kiểm-trai xét: Hai phép trên này thực có hiệu nghiệm. Trước tiên công tôi là Kết quận công ở đầu đời Quang-thiệu Lê Chiêu tôn theo quân vua đi đánh ngự chúa là Trần Thăng ở Lạng-son. Tương truyền rằng lúc ấy

giặc mộ quân thô phỉ dừng cầm vài trăm kéo đến để liều chết đánh mà quân của ông đều là con em thành thị không đầy 500 người. Ông bèn sai tỳ tướng sờ trên ngực quân lính xem người nào đánh trống ngực thì cho quỳ xuống đất một vai vác súng sắt, một người thiện xạ đứng kèm ở bên một vai vác giáo dài, du binh thì cầm dao ngắn đứng giáp đầy, bày thành mặt trận tròn để đợi. Lúc quân giặc đến thì bị giáo dài ngăn trở, không xông vào được, quân thiện xạ đều bắn súng ra, quân giặc chết hết. Đây tuy là việc ngày xưa, mà cùng với hai phép trên này ngam ngám giống nhau, nên biên vào đây để ghi hiệu nghiệm và khen tài ừng biển.

PHÉP XE GƯƠM PHÁ GIẶC.

Phàm trí tướng hành binh, cốt vận dụng một lòng, không để tiết lậu, cho nên tiến thì như gió, dừng thì như núi, ai động đến là bị vỡ, phạm đến là bị cháy, đi đến đâu cũng vô địch. Như giặc ở trong thành cây cao hiểm, hay là ở chỗ đường dài cây sức mạnh tiến lên mà ta không phá được, thì ta dùng xe gươm để đánh.

Cách làm: Xe có bốn bánh, trước sau to đều 8 thước, ngang 6 thước, khoảng giữa lát ván, hai bên dựng hai cột cao 6 thước 5 tấc, đầu cột làm hình chữ thập. Lại lấy gỗ tròn làm ống, đường kính 1 thước, gác ngang lên đầu hai cột, lấy đinh sắt đóng vào cho chặt. Lại lấy cây gỗ rắn dài 7 thước cắm vào trong ống và lấy 1 sợi dây da thắt chặt vào cái gỗ rắn ở trong ống như hình cái dây khoan. Lại đục hai lỗ ở bên cái ống luôn hai đầu dây ra cho thò xuống dưới, lấy hai cái gỗ buộc ngang như hình chữ đinh. Lại lấy hai bánh xe dày 4 tấc, mặt to 1 thước, lắp ngang vào hai đầu cái gỗ rắn, dùng đinh sắt đóng lại cho chặt. Chung quanh bánh xe đều cắm đao gươm, mỗi gươm dài 1 thước 5 tấc, dùng dây sắt buộc lại thật chặt. Lại đo từ chỗ máy trong xuyên ngang ra ngoài độ 3 thước, lấy da trâu che lại, ở ngoài da trâu lại dựng một ống cao 3 thước rưỡi, lại dùng một cái gỗ rắn cắm thẳng vào trong ống, lại lấy dây da thắt lại như trên. Lại đục một lỗ ở bên ống, đem đầu dây thừa luôn ra, lại cho xuyên qua da trâu vào đến ống ngang trong máy, đầu dây thông xuống cũng làm hình chữ thập. Ở trên cái gỗ rắn của ống ngoài, lại đặt bằng 1 bánh xe mặt to 1 thước, lấy đinh sắt đóng vào, bốn bên cũng cắm đao gươm như ở trước. Liều mũi gươm bánh xe ngang cách da trâu 8 tấc thì khéo. Sau xe lại có một cây gỗ thò ra để tiện đẩy xe lên. Trên xe che bằng da trâu như mái nhà để đỡ tên đạn. Khi dùng thì trước sai một người ngồi ở máy trong, ngoài cái ống máy ngang, trong cái da trâu, cầm cái đầu dây của ống máy thẳng mà kéo cho xoay. Lại sai một

người ở đằng sau xe, trên ván lát lấy hai tay kéo hai đầu dây cho chuyển động, một tiến một lùi, một thuận một nghịch, như cách xay lúa. Như thế thì những đao guom hai bên và mặt trước múa rối lên, giặc không dám đến gần. Ta tiến đến dưới thành, hoặc dùng hỏa công mà đốt, hoặc dùng thang mây treo lên, đều được như ý, lo gì thành giặc không phá nổi, hung đảng không trừ hết. Đây là phép diệu xe guom.

PHÉP GÀI TÊN DƯỚI ĐẤT.

Phàm đánh nhau với giặc ở chỗ đồng bằng nội rộng, cổ nhân bày thành thế trận, đó là lẽ thường, chưa phải là diệu. Nay có một cách gọi là gài tên dưới đất, rất là thần kỳ. Phép lạ ấy làm sao? Lấy tre cứng làm cần, không cứ nhiều ít. Xin lấy một cần mà nói. Trên dùng một ống tre, trên thì thông miệng, dưới thì để mắt, dưới mắt khoét một lỗ chếch để cài đầu cần tre vào, xong rồi, trong ống nạp tên thuốc độc cho đầy, mỗi cần tre đều làm như thế, hoặc 50 cái hay 80 cái cũng được. Bấy giờ mới đào một cái ao như hình cái quạt, sâu nông rộng hẹp thì liệu cho vừa, đem các cần tre cắm hàng chữ nhất ở trong ao; ở đáy ao lại dùng một cây gỗ dài nhỏ làm máy, đề lên đầu các cần tre, uốn các cần tre đều cong như hình cung khiến các ống tên đều chiếu chếch lên trời. Ở trên máy ấy trồng một cột gỗ, đầu cột có bánh xe. Xong rồi lấy dây gai buộc vào giữa cây ngang máy, dẫn dây vào bánh xe đầu cột như phép ròng rọc và kéo ra đằng sau. Cách hơn 30 bước, lại đào một cái lỗ tròn, đặt tấm ván làm máy như phép thiên la áp trại, đem các đầu dây ấy buộc vào giữa cái máy ván, rồi lấp bằng trên mặt đặt đi. Rồi đem quân khiêu chiến, giả cách thua chạy, quân giặc đuổi theo thì xéo vào chỗ ván máy, ván sập thì dây gai kéo, dây gai kéo thì máy trong ao đều rút mà các cần tre đều bật lên, tên thuốc độc ở trong các ống đều bắn tung lên, quân giặc đều chết. Cho nên Bảo thư nói rằng “Chinh phu hóa thành mo nang (bị gió thổi rơi)” là thế đấy.

PHÉP ÓNG TÊN GIẤU HÌNH.

Một hôm tôi hỏi bạn rằng: Trước Ngọa-long có phép bắn một phát mười tên, đây là liên nổ. Nay lấy trí khôn của chúng ta mà bàn thì một phát nổ có thể bắn được mười tên không?

Bạn tôi trả lời rằng: Trí khôn của cổ nhân ta đâu dám bì. Nhưng thánh nhân có nói: Người ngu nghĩ nghìn điều hẩn cũng có một điều được.

Nay tôi ngồi yên mà nghĩ được một phép diệu gọi là ống tên giấu hình. Phép ấy một nỏ cũng có thể bắn một phát vài chục tên.

Tôi xin được biết đại lược phép ấy.

Bạn nói: Phép này nên dùng tre núi làm một cái ống dài 5 thước 5 tấc, trên đầu ống làm miệng, dưới ống để mắt, dưới mắt lại để thừa độ hơn 2 tấc. Lại đo tự chỗ mắt để trở xuống cách 1 tấc dùi ngang một lỗ. Lại đo tự lỗ ấy trở xuống 1 tấc, nửa trên để vậy, nửa dưới cắt hai bên đi, chỗ cắt thì đóng hai cái đinh thau như hình chữ nhị. Xong rồi, bèn làm một cái nỏ to thật khỏe, trước lấy dây nỏ buộc vào đầu cánh bên tả của nỏ, dây dư thì luôn qua lỗ ngang dưới ống tên, rồi đem dây buộc sang cánh bên hữu của nỏ. Xong rồi, làm một cái giá gỗ như hình chữ tĩnh, giữa giá dựng một cái cột cao 1 thước 1 tấc, có bốn bánh xe để tiện xoay chuyển mà bắn. Lúc dùng thì đem nỏ ấy để lên đầu cột ở giữa cái giá, lấy dây mây buộc cho chắc, rồi sau cho người kéo dây nỏ giương lên, mà đem hai đinh thau ở đằng sau ống tên cắm vào máng nỏ, xong rồi nạp tên thuốc độc vào ống ấy cho đầy ống, để mũi tên thò ra ngoài miệng ống 1 tấc làm cữ. Lại ở dưới máng nỏ buộc một sợi dây gai giữ lấy để dùng. Lúc dùng thì sai người kéo cái dây gai, dây gai động thì máng nỏ bật lên mà dây nỏ ống tên đều phát, các tên trong ống đều nhân sức bắn của ống tên mà bắn tung ra bốn mặt, quân giặc chống sao cho nổi!

PHÉP THUỐC TIÊN CHỊU ĐÓI

Bài thuốc Tổ sư ứng cơ đơn:

Đào nhân 4 lạng,

Cam thảo 1 cân,

Đỗ trọng 4 lạng,

Bạc hà 4 lạng,

Hạnh nhân 1 cân (nấu chín bỏ vỏ và đầu nhọn),

Tiểu hồi 4 lạng sao chín,

Phục linh 4 lạng,

Cát cánh 3 lạng.

Các vị trên này tán nhỏ trộn cho đều, mỗi lần dùng một nhúm ngâm ở trong miệng, gập các lá cây cỏ như lá thông lá bách lấy nhá ngâm cho hóa ra nước mà nuốt với thuốc này thì nhan sắc như cũ, khí lực không kém, thực là thuốc tiên.

Bài thuốc Thân tiên sung phúc đơn:

*Hạt vừng đen 1 cân,
Đậu đen 1 cân,
Long cốt 5 đồng cân,
Ô đầu 1 đồng cân,
Táo hồng 1 cân,
Xích thạch chi 5 đồng cân,
Phòng phong 5 đồng cân.*

Các vị trên này tán nhỏ ra, luyện mật làm hoàn to bằng viên đạn, lấy chu sa làm áo, mỗi lần dùng một viên, uống nước lã tống xuống, được một ngày không đói, thực là bài thuốc lạ.

Lại một bài nữa:

*Táo hồng 1 cân,
Vừng đen 1 cân,
Nhân sâm 1 cân.
Đều tán nhỏ, luyện mật, viên to bằng viên đạn.*

Kiểm-trai nói: Hai bài thuốc trên này khí vị bình hòa, đều là ôn bổ, châm chước dần làm một bài thuốc càng tốt.

PHÉP THANG HAI TẦNG.

Phàm dùng binh lên núi qua sông, vượt nơi nguy hiểm, đều cần chuẩn bị đầy đủ. Như giặc ở trong trại thành cao vài trượng thì dùng cách gì để trèo vào thành?

Cách làm: Làm hai tầng thang, tầng thứ nhất dài 30 thước ngang 4 thước, tầng thứ hai cũng dài 30 thước, ngang 3 thước 5 tấc. Trước đặt thang tầng thứ hai vào trong thang tầng thứ nhất, đầu thang dùng gỗ rắn làm then ngang nối hai thang làm một, ở dưới thang tầng thứ hai đóng móc sắt. Khi muốn lên thành đem hai thang giáp làm một bắc lên thành, trèo lên thang tầng thứ nhất, lên đến đầu thang thì đem thang tầng thứ hai vát lên trên thành, đem móc sắt ở đầu thang móc vào đầu thành, quân lính bám vào mà lên. Thế là lên được thành.

PHÉP SÚNG BẮN ĐỔ NÚI.

Phàm người đánh giỏi có thể lấy ít mà địch nhiều, lấy yếu mà địch mạnh. Ví như ở chỗ đồng bằng nội rộng, quân giặc trăm vạn như sông cuộn biển sôi mà đến, thì nên dùng súng máy ma bắn, giặc tất tan gãy.

Cách làm: Trước hết làm ba khẩu súng to, mỗi khẩu trước lấy gỗ nhỏ bó làm một bó to 2 thước dài 6 thước để làm cái cốt súng. Lại lấy gỗ rắn to 2 thước dài 5 thước 5 tấc, trên bằng dưới nhọn, đặt vào sau cái cốt để làm đáy súng. Lại lấy rom trấu, phân voi trộn vào đất gan trâu, luyện thành bùn để bọc ngoài cốt súng và đáy súng dày 3 tấc. Lại lấy da trâu bao kín ngoài đất, lấy dây gai buộc lại cho chặt. Lại lấy đất luyện nhỏ trước đắp vào bên ngoài da trâu, dày 2 tấc. Lại lấy thanh tre đặt thẳng ở ngoài lần đất, ghép liền cho kín, ngoài lấy dây sắt mà buộc. Xong rồi, mới lấy cái cốt ra. Lại lấy dùi sắt dùi lỗ, cho ống sắt nhỏ vào để làm lỗ ngòi. Ba khẩu súng đều làm như thế. Xong rồi, sai thợ làm đạn dây sắt, mỗi viên đạn đường kính 1 thước 5 tấc 5 phân, cưa làm hai mảnh, mỗi mảnh đục bỏ ruột sắt đi bằng cái chén, chính giữa dùi một lỗ, lấy dây sắt mà buộc, tả chằng sang hữu, hữu chằng sang tả, rồi đem dây sắt vặn lại thành một khối để vào trong lòng hai mảnh, sao cho hai mảnh hợp lại thành một hòn đạn thì tốt. Bấy giờ mới lấy thuốc súng nạp vào dưới đáy súng, lại lấy đạn dây sắt nạp vào trên thuốc súng. Ba khẩu súng đều làm như thế.

Lại như khẩu súng giữa, nên lấy ống gang tròn nạp vào ở trên đạn dây sắt. Phép làm ống gang có bốn hạng. Cái ống mẹ lớn dài 2 thước, to 1 thước 8 tấc, dày 1 phân; ống mẹ nhỏ dài 1 thước 8 phân, to 1 thước 7 tấc, dày 1 phân; ống con lớn dài 1 thước 5 tấc, to 1 thước 6 tấc, dày 1 phân; ống con nhỏ dài 1 thước 4 tấc, to 1 thước 5 tấc, dày 1 phân. Bốn ống, đều có nắp tròn ốc, ở dưới có đáy bằng. Trước đem ống con nhỏ nhồi thuốc súng vào, xoay nắp tròn ốc, nạp vào trong ống con lớn; lại nhồi thuốc súng vào trong ống con lớn ngoài ống con nhỏ, cũng xoay nắp tròn ốc lại; lại nạp ống con lớn vào trong ống mẹ nhỏ, cũng nạp thuốc súng và xoay nắp như trước; lại đem ống mẹ nhỏ nạp vào trong ống mẹ lớn, cũng nạp thuốc súng và xoay nắp lại. Xong tất cả rồi lại lấy dùi sắt dùi một lỗ tự ngoài ống mẹ lớn thẳng suốt vào các ống con, để làm lỗ ngòi, lại lấy dây ngòi thuốc luôn vào, cái đầu thừa của ngòi thuốc quấn vào quanh mình ống mẹ lớn. Lại lấy dây gai buộc 3, 4 lần. Lại lấy bẹ chuối tươi buộc vào ngoài da gai, rồi đem đuôi ngòi thuốc xuyên ra ngoài để chờ đồ dẫn hỏa chuyền vào, rồi nạp vào trong lòng súng ở trên đạn dây sắt. Lại lấy vải giấy bọc một bao đạn nhỏ để lên trên các ống sắt. Đây là cách làm khẩu súng giữa. Còn hai khẩu súng bên tả

bên hữu thì nên dùng tên sắt dài 2 thước, lấy dây da nhỏ buộc thành một bó để vào trên đạn dây sắt. Xong rồi thì ngoài ba khẩu súng ấy dựng hai cột ở hai bên tả hữu, mỗi cột cao quá thân khẩu súng 1 thước, đầu mỗi cột dùi ngang một lỗ rộng 2 tấc, tả hữu đối nhau. Lại lấy hai mảnh gỗ giáp lại làm một to độ 1 tấc hơn, cài vào lỗ hai đầu cột ở trên ba khẩu súng, ở giữa hai mảnh gỗ giáp nhau lại ghép ba miếng gỗ nhỏ, ngay vào ba lỗ phát hỏa của ba khẩu súng thì tốt. Mỗi đầu mảnh gỗ lại buộc một sợi dây to, rồi sau lấy ba sợi dây gai buộc vào miếng gỗ nhỏ, đuôi dây hợp lại làm một. Khi muốn bắn thì rút dây ấy xuống, tự nhiên cả ba khẩu súng đều nổ. Giặc dầu có phép tàng hình độn thổ cũng trở thành người dưới suối vàng mà thôi.

4. THIÊN GIỮ TRẠI PHÉP MÁY ĐÁ GIỮ TRẠI.

Phàm phép giữ rất khó, cho nên cổ nhân dùng đủ các thứ răng sói, bàn chông, hỏa tiễn, hỏa công để phòng bị. Nhưng các phép ấy đều hay mà công dụng cũng khó, cho nên Lộc-khê tiên sinh chế ra phép mảy đá giấu lửa để giữ thành lũy, giặc có quân trăm vạn, bậc thang cao mà trèo lên cũng đều thịt nát xương tan, còn lo gì nó đục thành nữa.

Cách làm: Bốn mặt lũy, trên đầu lũy bên ngoài tận cùng dựng liền hai cột nhỏ dài 5 tấc, cách nhau hơn 30 thước, lại dùng gỗ rắn dài hơn 30 thước, rộng 1 thước, bốn góc đều có vòng sắt. Trước đem vòng sắt của hai góc ván ấy treo lên cột ngắn trên lũy, còn hai góc mé ngoài thì bỏ xuống. Lại dựng một cái cột ở trong lũy, cao hơn lũy 3 thước, đầu cột đặt bánh xe làm thân ròng rọc. Lại lấy dây mảy buộc vòng sắt hai góc bên ngoài của tấm ván, dây góc bên tả chằng sang góc bên hữu, dây góc bên hữu chằng sang góc bên tả. Xong rồi, lại dùng một dây buộc vào giữa dây hai góc dặt vào trong lũy để lên trên cái ròng rọc ở đầu cột cao, đầu dây buộc chặt vào dưới chân cột. Rồi đem đá to đặt chồng chất trên tấm ván. Bốn mặt lũy đều làm như thế. Nếu quân giặc bắc thang mây trèo thành mà lên, hay là nó đào lũy phá thành, thì ta lập tức cắt đứt cái dây ở chân cột, tấm ván nghiêng ra mà đá đổ xuống cả.

Lại sai quân đào một hốc vuông vức 4 thước ở bên trong chỗ gần lũy, xong rồi, lại lấy da lợn rừng sống phơi khô làm gói cho lính nằm ở trong hốc ấy để nghe xem giặc có đào hang dưới đất hay không. Phép này thực là thần diệu.

PHÉP NỔ THẦN GIỮ TRẠI.

Đại tướng trước hết phải bảo trọng thân mình. Nếu không như thế, thắng hoặc kẻ gian lén vào được mà làm hại thì Nhà nước cậy vào đâu, xã tắc dựa vào đâu? Cho nên làm tướng ngày thì nghiêm lệnh như Chu Á-phu, đêm thì phòng gian như Trịnh tử, mà còn lâm sự lo sợ ngay ngáy nơm nớp, há dám ngủ kỹ cậy mạnh mà coi thường tính mệnh đâu! Cho nên Lộc-khe tiên sinh chế ra phép đặt máy nổ giữ trại. Giả sử Kinh Kha sống lại, Nhiếp Chính phục sinh, cũng chỉ làm người dưới xuôi vàng mà thôi, còn cậy gì về dao găm mũi nhọn nữa!

Cách làm: Dùng một cái nổ lớn, xoi rãnh đặt ba tên, dưới nổ ở chính giữa lại làm một lỗ tròn to hơn 1 tấc. Lại dựng một cột gỗ ở cửa trại, gần chỗ hồ môn, đầu cột dùng một cốt sắt tròn đóng vào 5 phân, cao hơn đầu cột 2 tấc. Rồi đem lỗ tròn dưới nổ lồng vào cột sắt ấy, để tiện xoay chuyển. Đầu nổ làm một cái vòng thau. Lại lấy hai sợi dây tơ nhỏ, một sợi giăng buộc vòng thau vào cái bao cửa bên tả, một sợi giăng buộc vào bao cửa bên hữu, tạm thắt lại như cách thắt giải áo. Lại dùi đằng sau nổ một lỗ chéch, lấy gỗ nhỏ cắm vào, nửa ở dưới nổ nửa ở trên nổ, để làm máy nổ. Lại lấy một miếng gỗ đỡ ở đầu dưới máy nổ ấy tạm cài vào bên cột máy. Rồi sau giương dây nổ đặt vào trên máy, bên trên đặt ba tên để đợi dùng. Nếu kẻ gian vô ý xông vào, động phải dây tơ, nổ tự xoay chuyển, rơi cái gỗ đỡ, dây nổ bật lên, tên nổ bắn ra.

PHÉP DÂY TIÊN TRÓI GIẶC.

Phàm đêm trong dinh phải có cách phòng gian; cách nào nên làm trước? Nên dùng dây tiên trói giặc.

Cách làm: Trước dựng hai cái cột lớn ở hai bên cửa tướng, hai bên cột treo hai cái đèn đỏ, bắc đèn tâm các thứ diêm tiêu lưu hoàng. Lại lấy dây mây chằng ngang hai cột, cột bên tả buộc sang bên hữu, cột bên hữu buộc sang bên tả. Lại lấy hai miếng gỗ rần cài vào trên dây mây, liệu cách cột mỗi bên 3 thước, hai bên đều thế. Lại sai hai người khỏe vịn hai miếng gỗ vài mươi lần rất chặt. Treo chuông đồng ở đầu hai miếng gỗ ấy. Lại lấy hai sợi dây gai buộc hai miếng gỗ ấy kéo ra ngoài cửa, làm phép máy động như phép bính đình. Xong rồi, lại lấy một thanh gỗ rần cắm ngang vào đầu hai miếng gỗ. Lại lấy một sợi dây da trâu buộc vào giữa thanh gỗ ngang ấy treo xuống làm một cái vòng to, liệu chừng cái máy phát động vừa đúng vào

giữa vòng ấy thì khéo. Lại đào lỗ ở trong vòng ấy làm máy phát hỏa, trong máy có ngòi thuốc ngầm thông đến đèn đỏ hai bên, để đợi dùng. Nếu có kẻ gian vô ý bước vào vòng ấy, động vào máy thì hai miếng gỗ chuyển ngược, chuông đồng kêu vang lên, đèn đỏ bật sáng lên, kẻ gian sẽ bị trói ngay.

Kiểm-trai xét: Phép này làm như phép bình đình. Nhưng phép bình đình thất truyền, không thể hiểu được. Cứ ý tôi nghĩ: nên đem hai dây gai buộc hai miếng gỗ kéo ra ngoài cửa hộp làm một dây, đầu dây thò xuống buộc vào miếng gỗ ngang nhỏ dài 2 tấc như chữ đinh, lại đào lỗ dưới đất, lấy ván dùi hồng đặt trên miệng lỗ, lấy gỗ nhỏ buộc đầu dây đặt xuống dưới lỗ hồng của ván. Lại lấy gạch đá chặn bên tám ván ấy, lấy đất cát rải bằng trên mặt. Dây da trâu thì dùng vòng sắt tròn đường kính 5 phân buộc vào đầu dây, lại một đầu luồn vào vòng sắt rồi mới đem buộc vào gỗ ngang trên máy. Cái đầu dây buộc vòng sắt còn thừa rủ xuống, nên dẫn chạy vòng quanh làm vòng tròn to, chạy bên ngoài quanh cái lỗ đặt máy.

PHÉP NỔ KHỎE PHÒNG GIAN.

Phạm trí tướng lập dinh đóng trại tất phải chuẩn bị trước để phòng kẻ gian tế. Như trong cửa dinh nên làm một cái nổ khỏe, sai thợ xoi ba lòng bắn được ba tên. Rồi sau dựng giá gỗ cao 3 thước, đặt nổ lên trên, buộc lại cho chặt. Đằng sau lại dựng một cái cột cao 2 thước 5 tấc, đầu cột làm bánh xe như ròng rọc. Lại ở trước cái giá gỗ cách hơn 10 bước đào một lỗ sâu 1 thước hơn, trên nhỏ dưới to, mặt lỗ ấy làm máy đặt một tấm ván tròn ở trên, rải đất cát cho bằng, không để lộ ra. Làm như thế xong rồi, bèn giương dây nổ lên máy, đặt ba tên nổ thần, mũi tên tẩm thuốc độc. Lại lấy một sợi dây gai nhỏ buộc ở máy nổ, đem dây ấy gác lên bánh xe, rồi kéo ra trước nổ, buộc vào tấm ván tròn. Nếu trong đêm tối thích khách của giặc lên đến, chân xéo lằm vào tấm ván tròn ở trên miệng lỗ, ván ấy rơi vào trong lỗ thì sợi dây động, tên đều bắn ra, trúng là chết.

Bài thuốc độc tẩm tên.

Nhựa cây thâu cốt (tục gọi là nhựa cây cộng), ban miêu, từ thạch (đá nam châm), điền cơ (tục gọi là khoai đại).

Các vị trên giã riêng ra trộn cả vào trong ống tre, rồi đem tên nổ bỏ vào ống tre ngâm 3 tháng 10 ngày.

PHÉP LƯỚI TRỜI YẾM TRẠI.

Trước tôi từng hỏi thầy rằng: Binh pháp có nói “Người đánh giỏi trước giả làm yếu, sau tỏ là mạnh, khiến người đến mà không để người khiến mình đến” là nghĩa thế nào? Thầy nói: “Lấy nhàn mà đợi nhọc, gọi là ứng binh, thừa thắng mà đánh, gọi là kiêu binh. Ứng binh thì được, kiêu binh thì thua. Cho nên ta trước giả làm yếu là muốn làm cho giặc kiêu, sau tỏ sức mạnh là để hoàn toàn nắm sự thắng về ta”. Tôi nói: “Kế ấy làm thế nào?” Thầy nói: “Lấy lợi mà như họ, gọi là dụ giặc, lấy kế mà đánh úp, gọi là đặt kỳ. Lấy quân giặc tham lợi mà địch với mưu đặt kỳ, khác gì đàn dê đánh nhau với hổ dữ, không được là rõ ràng lắm, còn phải nói gì. Ví như quân giặc mới đến, kiêu chiến ta, ta nên yên quân không động, đợi khi nhuệ khí của giặc hơi suy, rồi ta ra quân giao chiến, giả cách thua mà chạy, bỏ cả trại sách. Quân giặc tất đuổi theo tranh cướp lấy trại, khi giặc hân kiêu, ta lại ra quân khiêu chiến, làm cho nó tức, đợi đến lúc đánh đương say, ta lại từ từ mà lui, giặc tất cho ta là nhát, rồi chạy suốt vào trại thiên la. Ta đánh phá giặc dễ như lấy đồ trong túi.

Tôi lại hỏi: “Pháp thiên la thế nào?”

Thầy nói: “Phép làm, trước lấy dây gai đan làm lưới to, bốn mặt đều có mảnh tre làm nẹp, bốn góc đều có vòng sắt, mỗi vòng đường kính 2 tấc. Lại do bốn bên lưới ấy, chia trên đất làm bốn góc, mỗi góc đóng hai cái cọc, mỗi cọc cao 2 thước, cách nhau 1 thước, đầu cọc đục suốt một lỗ tròn to 2 tấc 5 phân, 2 lỗ ở hai cọc đối nhau; bốn góc đều thế. Lại dùng gỗ dài để làm bốn cái cột neo, mỗi cái dài 8 thước, cái neo một đầu dùng cốt sắt to 1 tấc 9 phân đóng thẳng vào, một đầu dùi ngang một lỗ to 2 tấc. Lại có một thanh gỗ rắn dài 1 thước 6 tấc, to 1 tấc 9 phân. Bốn góc đều làm đủ như thế. Đến khi dùng, trước hết đem cái neo ấy để ở quãng giữa hai cái cọc, lấy thanh gỗ rắn cắm vào như hình chày xay. Lại lấy cán gỗ đầu neo cắm vào vòng sắt bốn mặt lưới, giương lưới lên cao. Lại dùng bốn cái cây nổng, nổng bốn cái neo lên. Xong rồi lại lấy bốn sợi dây buộc vào chân cái cây nổng kéo ra. Xong rồi, lại lấy một mảnh ván vuông 2 thước, bốn góc ván ấy dùi hai lỗ, lại sai người đào ở chính giữa một cái hố vuông sâu 2 thước, trên nhỏ dưới to, đem mảnh ván vuông ấy đặt lên trên hố, rồi kéo dây ấy buộc vào lỗ ở bốn góc ván vuông ấy. Trên lưới treo các thứ đao, thương, tên, đá, ngoài lưới làm sẵn nhà sát đó như kiểu nhà trại. Như giặc đến đây, quân giặc tham lợi, không ngờ tranh nhau cướp trại, xéo vào ván vuông sập xuống, dây giật cây nổng bốn mặt đổ xuống, mà lưới sập chụp hết.

PHÉP CHỮ ĐÌNH GIỮ THỦY TRẠI.

Phàm khi thủy chiến, dùng chiến thuyền kết làm thủy trại, ban đêm ngủ phải có cách phòng gian, nếu không phòng gian thì không phải là trí tướng. Muốn phòng gian phải làm phép đặt chuông.

Cách làm: Ở giữa sông dựng hai cái cột cao 4 thước, cách nhau 10 thước, đầu cột gác một cái gỗ ngang làm chữ đình, hai cột đều thế. Hai bên cái gỗ ngang của mỗi cột treo hai cái thanh la đồng. Đó là phép cột chữ đình ngang sông. Lại đi từ hai cột ấy ra ngoài 10 thước, bên tả bên hữu cũng dựng hai cột chữ đình, cũng treo thanh la như trước (Cộng thanh la ngang sông và hai bên tả hữu là 8 cái). Trước mỗi thanh la dựng một cần tre cao vừa đến chính giữa thanh la, ở dưới mỗi cần tre trong đáy nước đều đóng cọc ngắn, đầu cọc làm bằng. Rồi buộc dây gai vào mỗi đầu cần tre, đầu dây lại buộc vào cái gỗ ngang. Lại đem cần tre kéo xuống uốn thành hình cung, đặt trên đầu cọc bằng, lấy đá đè lên; tám cọc đều thế. Mỗi hòn đá lại buộc bằng dây gai, đầu các dây gai ấy hợp làm một, lại dùng một sợi dây gai dài 100 bước hay 50 bước buộc vào hòn đá, kéo ra bên ngoài mà chằng ngang sông. Nếu có thuyền giặc ban đêm lén vào thủy trại, mái chèo động vào dây chằng ngang sông thì các hòn đá ở đầu cọc đều rơi xuống mà cần tre đều đập vào thanh la kêu vang lên thì ta biết ngay. Đó là phép đặt chữ đình giữ thủy trại.

PHÉP LÀM CỜ XEM HƯỚNG GIÓ.

Gió là hiệu lệnh của trời, cho nên biết xem gió thì điều hay biết trước và điều không hay cũng biết trước. Như sắp hàng binh mà không biết xem hướng gió thì biết đâu lành dữ mà làm theo hay tránh đi. Muốn xem hướng gió thì trước làm cờ xem gió.

Cách làm: Ngoài cửa trại, dựng một cái cột cao vài mươi thước, trên đầu cột đặt một cái bánh xe cùng một con điều bằng gỗ, có cái cờ nhỏ như hình đầu cột buồm. Lại lấy 10 cân lông đuôi gà kết làm một sợi dây dài bằng cái cột, buộc vào sau đuôi điều gỗ, đầu dây thò xuống; lại lấy lông ngan kết làm một búp như hình hoa cúc; lại lấy một sợi dây gai nhỏ bằng sợi dây lông ấy buộc vào đầu mỏ điều gỗ; đầu dây thò xuống buộc một hòn sắt, để xem hướng gió. Nếu có gió thì con điều gỗ chuyển động theo mà dây lông bay lên. Muốn biết hướng gió thì dùng một sợi dây tơ nhỏ buộc vào

dưới búp lông hoa cúc của dây lông, buộc qua sang gấp cái dây có hòn sắt ở mở điều. Rồi dùng địa bàn có kim chỉ nam đặt ở dưới cái dây ngang ấy thì biết hướng gió bốn phương tám mặt.

III. Quân cơ

PHÉP DẠY QUÂN ĐÁNH GIẶC.

Phàm ngày thường ước thúc, tất có quân cơ; đánh giặc xâm lăng, cũng có kế sách. Nếu không có kế sách thì trong lúc vội vàng làm sao có thể ứng biến được. Cốt yếu có 15 phép: Một là qua chỗ hiểm phòng nguy; hai là xét nắp phục; ba là phòng nước độc; bốn là qua cầu phải cẩn thận; năm là dùng lửa chống lửa; sáu là lấy nhàn đợi nhọc; bảy là lấy nhọc chế nhàn; tám là nhọc nhàn đắp đổi; chín là hư trương thanh thế; mười là tránh chỗ thực đánh chỗ hư; mười một là lấy hư làm thực; mười hai là lấy thực làm hư; mười ba là phòng gian xét biến; mười bốn là chọn đất lập dinh; mười lăm là cẩn thận thiên thời.

Điều thứ nhất. Ví như lần vào cõi giặc, gặp chỗ đồng bằng nội rộng thì nên kết trận. Nếu gặp núi sông hiểm trở, thì sai ngay quân kiêu kỳ du binh đi trước. Nếu thấy gò cao rậm rạp, núi hang gập ghềnh, thì tiền quân từ từ tiến chậm để đợi hậu quân, không được cách tuyệt gián đoạn. Đây là yếu lược qua hiểm phòng nguy.

Điều thứ hai. Nếu như đường cái dễ tiến; cũng sai du binh lên chỗ núi gò cao, tả hữu tiền hậu xem xét kỹ càng, nếu thấy chỗ nào chim chóc bay lên, vượn chồn chạy loạn, hoặc cây cỏ không gió mà động và bụi đất mù trời, dưới chỗ ấy hẳn có phục binh, thì du binh quay về báo cho chủ tướng, dừng xe kết trận mà đóng lại, để đợi xem thế giặc làm sao. Đây là yếu lược xét nắp phục.

Điều thứ ba. Như mới vào cho đất lạ, nước suối cũng nên cẩn thận. Nếu mình chưa quen thủy thổ, không nên uống nước là một; sợ quân giặc ở trên dòng bỏ thuốc độc vào nước là hai; nước lạ mình chưa rõ tính không nên uống là ba; mùa hè nóng nực, khi độc nghi ngút, nước tự trên cao chảy uống, hoặc sắc đen mà nhiều hoa, hoặc sắc đỏ mà nhiều chất phèn, hoặc đục mà mùi chua mặn, cũng không nên uống là bốn; hoặc mùa đông mưa lũ, dưới núi nhiều khe và mạch nước phun ra, lá cây cỏ ngâm nát thành độc,

cũng không nên uống là năm; hoặc đất ấy sông núi có nhiều rắn độc cỏ độc, cũng không nên uống là sáu. Nếu bắt đắc dĩ phải uống, thì sai quân chọn chỗ đất vàng, đào xuống 3 thước, lấy một hòn đất và hừng hoàng, chu sa, mỗi thứ 1 lạng, bạch phàn 1 đồng cân, cam thảo 3 đồng cân, muối một ít, đều tán nhỏ ra bỏ vào nước khuấy đều, mỗi người uống lót dạ một chén, rồi thì sau tha hồ uống nước cũng không trúng độc. Đây là yếu lược phòng nước độc.

Điều thứ tư. Vào sâu cõi giặc, gần đến đường xung yếu, chợt thấy đất mới, trên đất cỏ khô như cháy, thì ở dưới chỗ ấy ngờ có trá nguy gì, phải dò xét kỹ lưỡng, rồi mới nên đi. Nếu đi qua cầu cống của giặc, thì trước lấy đồ nặng mà chất lên thử rồi mới nên đi, không cẩn thận như thế thì sợ xảy ra tai nạn sụp đổ. Đây là yếu lược qua cầu.

Điều thứ năm. Hỏa công không cần phải đợi mặt trăng phạm vào các sao Cơ Tắt Dực Chẩn cũng được; nếu giặc ở dưới gió ta ở đầu gió cũng có thể dùng được. Nếu ta ở dưới gió, giặc ở đầu gió phóng lửa xuống, thì ta cũng phóng lửa ngay, lửa của giặc đến nơi, lửa của ta đã tắt, ta nên nhắm chỗ đất đen (chỗ đã đốt cháy) mà tránh, giặc dùng hỏa công cũng không làm gì được. Đây là điều cốt yếu lấy lửa chống lửa.

Điều thứ sáu. Xuất chiến phải xét địa hình, cho nên người đánh giỏi tất trước chiếm địa lợi, bày thành thế trận để đợi ra quân. Binh pháp nói “Người giỏi đánh khiến người đến mà không bị người khiến đến”, là nghĩa thế đấy. Nếu quân giặc mới đến, cờ trống chưa nghiêm, binh mã chưa chỉnh, thì chia quân mà đánh gấp. Cho nên Binh pháp nói “Đánh như nước sông vỡ, đánh như sấm động vang”, cũng là nghĩa ấy. Nếu như đằng trước có gò cao rừng núi, thì quân ta chiếm ngay lấy để làm địa lợi, nếu có giao chiến thì lấy đấy làm chỗ phục binh, nếu có cấp bách thì lấy đấy làm quân tiếp viện, để tiện yên ủi người ngựa của ta. Đây là yếu lược lấy nhàn đợi nhọc.

Điều thứ bảy. Nếu quân giặc trước chiếm được địa lợi, hoặc núi rừng gò đống, hoặc đồng bằng nội rộng, mà quân ta mới đến, vội vàng chưa yên, chớ giao chiến ngay. Tức chia quân làm dương binh, nghi binh, là kẻ thay đổi nhau ra đánh, để chống quân giặc, đợi đến khi ngày gần tối, giặc mỗi mệt đói khát, quân muốn đánh mà tướng do dự, tướng muốn đánh mà quân dùng dằng, bấy giờ ta mới gấp sai du binh tiến thẳng lên chỗ kín bên núi mà phao tin là đánh trại giặc hoặc đi cướp lương giặc, thế thì tình giặc càng ngờ vực, lòng quân bối rối, thế trận rồi ren. Bấy giờ ta đem súng và tên lửa,

nỏ khỏe, cung cứng mà đánh, đánh tả đánh hữu, đánh trước đánh sau, khiến cho quân giặc đầu đuôi không cứu được nhau. Đây là yếu lược lấy nhọc chế nhàn.

Điều thứ tám. Hai bên bày trận đánh nhau, quân giặc khỏe mạnh, một tiến một lui, làm kẻ thay đổi nhau ra vào để quấy quân ta, mà quân ta thì mỗi nhọc đói khát, không thể đánh được, thế thì ta chia quân ngay làm ba đội: Đội thứ nhất làm dương binh, một thuận một nghịch, vừa đánh vừa giữ, để chống quân giặc. Đội thứ hai làm nghi binh, nghiêm chỉnh cờ xí, chiêng trống đánh luôn, để hộ vệ quân trước. Đội thứ ba thì đặt nồi nấu cơm, bếp mỗi ngày một thêm và chứa lương cỏ để dùng gấp, ngày đêm cắt lượm. Thế là quân giặc cắt lượm nhau ta cũng cắt lượm nhau. Như thế thì dầu giặc đánh đêm đánh ngày quân ta cũng không mỏi mệt. Đây là yếu lược nhọc nhàn đắp đổi.

Điều thứ chín. Trại giặc liên lạc dài rộng, mà binh ngựa có ít, thế là giặc hư trương thanh thế. Ta nên xuất kỳ bất ý mà đánh úp, hoặc đợi đến đêm mà cướp trại giặc; gấp sai quân giữ đường xung yếu để phòng nó đến chụp mình. Đây là yếu lược hư trương thanh thế.

Điều thứ mười. Hai trận tương đương, thế như nắm sừng nhau, thì ta dòm giặc mà đánh trước là được. Cho nên người giỏi đánh đánh vào lúc không ngờ, đánh vào chỗ không phòng, hoặc cắt lương của địch, hoặc chặn viện của nó, hoặc để nó đương sang sông mà đánh, hoặc đợi nó mệt mỏi tán loạn mà đánh, hoặc chặn nguồn lấy nước, hoặc chặn cả bốn ngã đường, đều do một lòng liệu định mà thôi. Cho nên Tôn tử nói “Người giỏi đánh động ở trên chín tầng trời, tránh chỗ thực đánh chỗ hư”, là nghĩa thế đấy.

Điều mười một. Quân ta mới thắng, thế giặc hơi suy, mà có tin gió thổi động cờ xí, thì đêm ấy nên phòng giặc cướp trại. Nên gấp sai du binh đi trước phục chặn đường giặc về, rồi sai tinh binh mai phục ở chỗ kín hai bên đường. Còn ở trong trại thì giả làm thế yếu, hoặc cờ xí rối loạn, hàng ngũ bừa bãi, giặc tưởng cho là ta kiêu mà không phòng bị, cứ xông vào không ngờ gì. Bấy giờ ta phát hiệu lệnh một tiếng, quân phục đều nổi dậy, quân giặc tất bị trói hết. Đây là yếu lược lấy hư làm thực.

Điều thứ mười hai. Quân giặc đóng trại lâu ngày, chợt một hôm bếp nấu thêm nhiều, tất là giặc sắp bỏ trại mà trốn, cho nên giả thêm bếp nấu để

đánh lừa ta. Ta lập tức sai du binh mai phục chỗ đường hiểm yếu, đợi giặc qua mà đánh, thế nào cũng được. Đây là yếu lược lấy thực làm hư.

Điều mười ba. Quân gian biến trá nhiều mối, cần phải xem xét, phàm tế tác gian dối, làm cho lòng quân sinh biến, tất là trong có cơ mưu. Hoặc dùng văn tự chế nhạo, hoặc lấy cây cỏ làm điềm tin, hoặc dùng ngôn ngữ mà thí dụ, hoặc dùng tiếng chim muông, các cơ mưu ấy là đáng sợ. Nên dùng một vài người tâm phúc, cho lén vào trong quân giặc giả làm bè đảng mà thám thính hư thực, thì biết cơ biến. Đây là yếu lược phòng gian xét biến.

Điều mười bốn. Chọn đất đóng dinh, cần phải cẩn thận, cho nên người trí tướng đóng đồn đóng dinh tất chọn địa lợi. Như trước có thủy đạo, vận tải lưu thông, bên tả có núi cao, bên hữu có đồng bằng, thì có thể đóng quân được. Nếu là chỗ sông hồ ngòi khe, bốn mặt quanh co, thì không nên đóng trại, sợ quân giặc cắt đứt đường đi thì tiến lui không thông. Cho nên người trí tướng hành binh, không hướng vào gò cao, không đón dòng nước, đằng trước có nước không tiến, đằng sau có khe không lui, hoặc bãi sông bên tả liền sang gò bên hữu, hoặc một bên gò núi một bên sông hồ, đất ấy đều nên kiêng kỵ. Đây là yếu lược chọn đất đóng dinh.

Điều mười lăm. Nếu lập trại, về mùa xuân hạ không nên đóng gần chỗ cây cỏ rậm rạp, sợ giặc tiến đánh hỏa công. Về mùa thu đông không nên đóng gần chỗ núi cao khe suối, sợ giặc thừa thế nắm nước mà chụp quân ta. Việc hành binh cũng nên cẩn thận. Đây là yếu lược cẩn thận thiên thời.

PHÉP GIỮ THÀNH CHỐNG GIẶC.

Phàm binh là hung khí. Thánh nhân nói “Lâm sự thì lo nghĩ, hay mưu mới thành công”. Phàm lúc ngày thường, hiệu lệnh nghiêm minh, quân cơ tập thuộc, thì đến lúc lâm sự, không đến hoang mang luống cuống, mà lúc giữ thành không đến nổi hồng việc. Cho nên người trí tướng lập dinh đóng trại, trước hết phải nghiêm hiệu lệnh. Như trại nào có giặc đánh vào thì trại ấy trước nổi hiệu trống để các trại khác cũng nổi hiệu trống, làm thanh thế mà ứng xa; trại nào không có giặc thì chính bị binh mã để ứng cứu. Điều ấy đã thành lệ rồi. Trong lúc vội vàng, cơ nhanh như trở bàn tay, nếu không chuẩn bị thì một chốc một lát, dinh trại đã không phải của mình rồi. Cho nên dinh nào có giặc đến trước thì dùng ngay hỏa phong, hỏa pháo, hỏa tiễn mà chống. Nếu quân giặc đến sát dưới thành thì dùng móc sắt móc bay mà ném, cái gì cũng phải chuẩn bị trước. Nếu giặc đem rơm cỏ lấp hào thì ta đem tên

lửa quả lửa mà bắn để đốt những rom cỏ và khí giới bằng gỗ của giặc. Giặc bắc thang mây leo lên thành, thì ta đem gỗ đá ném xuống, bắn xuống, đốt lò nấu chảy sắt mà rót xuống, hoặc lấy vôi bột giấm nồng mà vung xuống. hoặc ống cát, thuốc độc mà vãi xuống. Nếu quân giặc như kiến leo thành, thì dùng dùi sắt răng sói mà đánh. Nếu giặc tay bám vào tường mà leo, thì dùng cài dùi liền mà đánh, hoặc lấy búa mà chặt tay giặc. Nếu giặc dùng xe húc mà phá thành thì ta dùng vòng sắt, vòng gỗ, dầu rái mà chống. Nếu giặc dùng thang bầu vào thành mà lên, thì ta dùng chàng nặng mà chống. Nếu giặc dùng lừa gỗ mà đục thành thì ta dùng xa trục, dùi sắt, đuốc đuôi én mà phá. Nếu giặc bắn súng đạn thì ta căng màn vải mà chế. Nếu giặc dùng địa đạo mà đến đánh, thì ta dùng phép nghe dưới đất, đào giếng mà đón, dùng hỏa cầu, pháo tích lịch và binh khí tạp mà hại. Nếu giặc lên lầu cao mà xuống thành thì ta dùng hỏa thương hỏa tiễn mà đốt, hay là dùng ống thuốc độc mà tưới. Nếu giặc dùng hỏa công mà đốt thành thì ta dùng túi nước, ống đất mà ném xuống, và dùng chổi gai giấp bùn mà chế. Nếu giặc đốt cửa thành thì ta dùng cát ướt mà giấp. Nếu giặc phá nữ tường đất thì ta dùng nữ tường gỗ mà chống. Nếu giặc đánh phá cửa thành thì ta dùng xe súng xe guom mà chống. Các phương trên này, cái gì cũng rõ ràng đầy đủ, đây là phép của cổ nhân, một bên đánh một bên giữ. Nhưng thừa thế khác nhau, xưa nay khác lối cho nên người trí tướng lâm cơ ứng biến, mẫu nhiệm là ở trong lòng, cũng không nên khư khư câu nệ. Tôn tử nói “người giỏi giữ giầu ở dưới chín lần đất”, lời ấy thực là diệu vậy.

Trân trọng cảm ơn

- yevon (lichsu.vn.info) cho toàn bài nói chung, đặc biệt là phần Quân phục, Giáp trụ.
- nhinho (gamevn.com) cho phần Quân đội Đại Việt và các cuộc chiến
- sukhoi27v (vndefence.info) cho phần Thủy quân Đại Việt
- Các trang lichsu.vn.info, quansu.vn.net, vndefence.info, wikipedia.org, baomoi.com, baodatviet.vn, wikipedia.org ... cho phần tư liệu.
- Các quyển sách “Binh thư yếu lược”, “Hồ trướng khu cơ”, “Quân Thủy trong lịch sử chống ngoại xâm” ... cho rất nhiều thứ thông tin liên quan.

